

# DANH SÁCH THÍ SINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC TỈNH LAI CHÂU NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 16 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lai Châu)

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                     |                       |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                      |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                 | Ngày, tháng, năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển    | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 1    | Vị trí việc làm: Hành chính tổng hợp - Văn phòng Sở Khoa học và Công nghệ |                       |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                      |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 1.1  | Lý A Bọng                                                                 | 01/02/1996            | Nam      | Dao     | DTTS              | Pa Khôa, Sin Hồ - Lai Châu         | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS          |         |         |
| 1.2  | Trần Thị Thanh Nhân                                                       | 23/01/1995            | Nữ       | Kinh    |                   | Tp Lai Châu - Lai Châu             | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật                        |               |         |         |
| 1.3  | Kà Văn Tài                                                                | 07/06/1997            | Nam      | Thái    | DTTS              | Vàng San, Mường Tè - Lai Châu      | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS          |         |         |
| 1.4  | Nguyễn Thị Như Quỳnh                                                      | 29/07/1995            | Nữ       | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          |               |         |         |
| 1.5  | Nguyễn Thị Trang                                                          | 29/07/1997            | Nữ       | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                |               |         |         |
| 1.6  | Vũ Thị Hải Yến                                                            | 13/01/1997            | Nữ       | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật                        |               |         |         |
| 1.7  | Trần Thị Lý                                                               | 25/04/1994            | Nữ       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật kinh tế                |               |         |         |
| 1.8  | Nguyễn Thành Trung                                                        | 28/01/1991            | Nam      | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                | CC Tiếng Mông |         |         |
| 1.9  | Lê Hồng Nhung                                                             | 11/10/1996            | Nữ       | Kinh    |                   | TT Bền Sung, như Thanh, Thanh Hóa  | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |               |         |         |
| 1.10 | Hoàng Đình Lâm                                                            | 26/9/1995             | Nam      | Kinh    |                   | TT Tam Đường, Tam Đường, Lai Châu  | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | CC Tiếng Mông |         |         |
| 1.11 | Nguyễn Thị Huyền                                                          | 14/3/1998             | Nữ       | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |               |         |         |
| 2    | Vị trí việc làm: Công nghệ thông tin - Văn phòng Thanh tra tỉnh           |                       |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                      |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 2.1  | Lô Đức Quang                                                              | 06/12/1990            | Nam      | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Công nghệ thông tin                  | ĐH trở lên | Công nghệ thông tin, quản trị mạng   |                                                 | ĐH                          | Công nghệ TT                | DTTS          | ĐH CNTT |         |
| 2.2  | Bùi Thanh Bằng                                                            | 09/03/1995            | Nam      | Kinh    |                   | Tây Đô, Hưng Hà - Thái Bình        | Công nghệ thông tin                  | ĐH trở lên | Công nghệ thông tin, quản trị mạng   |                                                 | ĐH                          | Công nghệ TT                |               | ĐH CNTT |         |



| Stt | Thông tin về thí sinh                                                                                                          |                       |           |         |                   |                                     | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển      |            |                                      |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------|---------|---------|
|     | Họ và tên                                                                                                                      | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú      | Vị trí dự tuyển                           | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển    | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 2.3 | Nguyễn Thiên Nhân                                                                                                              | 30/07/1996            | Nam       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu    | Công nghệ thông tin                       | ĐH trở lên | Công nghệ thông tin, quản trị mạng   |                                                 | ĐH                          | Công nghệ TT                |               | ĐH CNTT |         |
| 3   | Vị trí việc làm: Quản lý thông tin đối ngoại - Phòng thông tin - Báo chí - Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông              |                       |           |         |                   |                                     |                                           |            |                                      |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 3.1 | Lý Thị Dê                                                                                                                      | 26/10/1993            | Nữ        | Mông    | DTTS              | Sùng Phái, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý thông tin đối ngoại               | ĐH trở lên | Báo chí, ngoại giao, quan hệ quốc tế |                                                 | ĐH                          | Quan hệ Quốc tế             | DTTS          |         |         |
| 3.2 | Nguyễn Thị Hồng                                                                                                                | 03/09/1987            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý thông tin đối ngoại               | ĐH trở lên | Báo chí, ngoại giao, quan hệ quốc tế |                                                 | ĐH                          | Báo chí                     |               |         |         |
| 3.3 | Lô Thị Chiêm                                                                                                                   | 12/08/1996            | Nữ        | Giáy    | DTTS              | Quyết Thắng, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý thông tin đối ngoại               | ĐH trở lên | Báo chí, ngoại giao, quan hệ quốc tế |                                                 | ĐH                          | Báo chí                     | DTTS          |         |         |
| 4   | Vị trí việc làm: Quản lý thông tin cơ sở - Phòng thông tin - Báo chí - Xuất bản, Sở Thông tin và Truyền thông                  |                       |           |         |                   |                                     |                                           |            |                                      |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 4.1 | Phạm Hồng Ngọc                                                                                                                 | 05/09/1998            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý thông tin cơ sở                   | ĐH trở lên | Báo chí, thông tin cơ sở             |                                                 | ĐH                          | Báo chí                     |               |         |         |
| 4.2 | Lý Hoài Dương                                                                                                                  | 28/07/1995            | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu    | Quản lý thông tin cơ sở                   | ĐH trở lên | Báo chí, thông tin cơ sở             |                                                 | ĐH                          | Báo chí                     | DTTS          |         |         |
| 4.3 | Lý Giỏ Pư                                                                                                                      | 10/05/1996            | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Thu Lũm, Mường Tè - Lai Châu        | Quản lý thông tin cơ sở                   | ĐH trở lên | Báo chí, thông tin cơ sở             |                                                 | ĐH                          | Báo chí                     | DTTS          |         |         |
| 4.4 | Vũ Thuận Thành                                                                                                                 | 01/09/1994            | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý thông tin cơ sở                   | ĐH trở lên | Báo chí, thông tin cơ sở             |                                                 | ĐH                          | Báo chí                     |               |         |         |
| 5   | Vị trí việc làm: Thẩm định và đánh giá tác động môi trường - Phòng Môi trường và biến đổi khí hậu, Sở Tài nguyên và Môi trường |                       |           |         |                   |                                     |                                           |            |                                      |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 5.1 | Lù Lê Mư                                                                                                                       | 20/09/1995            | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Pắc Ma, Mường Tè - Lai Châu         | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường     |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường         | DTTS          |         |         |
| 5.2 | Nguyễn Thị Tuyền                                                                                                               | 21/11/1995            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường     |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường         |               |         |         |
| 5.3 | Lô Hòa Tiến                                                                                                                    | 07/01/1993            | Nam       | Thái    | DTTS              | Quải Quang, Tuần Giáo - Điện Biên   | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường     |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường         | DTTS          |         |         |
| 5.4 | Nguyễn Hương Ly                                                                                                                | 12/06/1994            | Nữ        | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu  | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường     |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường         | CC Tiếng Mông |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                                     |                       |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển      |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                                                   | Miễn thi                       |         | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|-------------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                                 | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                           | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                                       | Ngoại ngữ                      | Tin học |         |
| 5.5  | Hoàng Tú Anh                                                                                              | 03/07/1994            | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH; ThS                     | Khoa học môi trường                                               | ĐH Ngôn ngữ Anh; CC Tiếng Mông |         |         |
| 5.6  | Dà Thị Lê                                                                                                 | 22/05/1995            | Nữ        | Giáy    | DTTS              | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường                                               | DTTS                           |         |         |
| 5.7  | Vàng A Vàng                                                                                               | 10/09/1994            | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Leng, Tam Đường - Lai Châu      | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên và Môi trường (Quản lý môi trường)             | DTTS                           |         |         |
| 5.8  | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh                                                                                        | 15/3/1996             | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu, Lai Châu  | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường                                               | CC Tiếng Mông                  |         |         |
| 5.9  | Sùng A Nù                                                                                                 | 25/9/1995             | Nam       | Mông    | DTTS              | Giang Ma, Tam Đường, Lai Châu      | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường                                               | DTTS                           |         |         |
| 5.10 | Vàng Thị Dưa                                                                                              | 12/10/1995            | Nữ        | Mông    | DTTS              | Long He, Thuận Châu, Sơn La        | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường                                               | DTTS                           |         |         |
| 5.11 | Giàng A Thanh                                                                                             | 08/6/1995             | Nam       | Mông    | DTTS              | Sả Tòng, Mường Chà, Điện Biên      | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Khoa học môi trường                                               | DTTS                           |         |         |
| 5.12 | Trịnh Việt Dũng                                                                                           | 09/5/1998             | Nam       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên đất và nước (Quản lý tài nguyên và môi trường) |                                |         |         |
| 5.13 | Hà Thị Trang                                                                                              | 20/7/1997             | Nữ        | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Thẩm định và đánh giá tác động môi trường | ĐH trở lên | Chuyên ngành khoa học môi trường  |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên và môi trường                                  |                                |         |         |
| 6    | Vị trí việc làm: Công tác biên giới (chuyên ngành Quản lý đất đai) - Phòng Quản lý biên giới, Sở Ngoại vụ |                       |           |         |                   |                                    |                                           |            |                                   |                                                 |                             |                                                                   |                                |         |         |
| 6.1  | Tèo Thị Thanh Thảo                                                                                        | 01/10/1992            | Nữ        | Thái    | DTTS              | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu | Công tác biên giới                        | ĐH trở lên | Quản lý đất đai                   |                                                 | ĐH; ThS                     | Quản lý đất đai                                                   | DTTS                           |         |         |
| 6.2  | Phạm Thị Mai                                                                                              | 12/11/1997            | Nữ        | Kinh    |                   | Thụy Việt, Thái Thụy - Thái Bình   | Công tác biên giới                        | ĐH trở lên | Quản lý đất đai                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                                                   | CC Tiếng Mông                  |         |         |
| 6.3  | Lô Văn Bương                                                                                              | 04/8/1993             | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Sò, Tân Uyên, Lai Châu         | Công tác biên giới                        | ĐH trở lên | Quản lý đất đai                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                                                   | DTTS                           |         |         |
| 6.4  | Lưu Lý Tuấn                                                                                               | 10/11/1991            | Nam       | Hoa     | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Công tác biên giới                        | ĐH trở lên | Quản lý đất đai                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                                                   | DTTS; CC Tiếng Mông            |         |         |



| Stt | Thông tin về thí sinh                                                                          |                       |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                  |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                                            | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------|---------------|---------|---------|
|     | Họ và tên                                                                                      | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                                | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 7   | Vị trí việc làm: Công tác biên giới (chuyên ngành Luật) - Phòng Quản lý biên giới, Sở Ngoại vụ |                       |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                                  |                                                 |                             |                                                            |               |         |         |
| 7.1 | Nguyễn Văn Hoàn                                                                                | 27/11/1995            | Nam       | Kinh    |                   | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu  | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật kinh tế                                               |               |         |         |
| 7.2 | Phan Phương Thảo                                                                               | 29/10/1998            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh doanh                                            |               |         |         |
| 7.3 | Lò Diệu Thu                                                                                    | 15/09/1994            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                                                       | DTTS          |         |         |
| 7.4 | Lại Hợp Hoan                                                                                   | 28/08/1993            | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Vinh, Đông Hưng - Thái Bình   | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                                                       |               |         |         |
| 7.5 | Nguyễn Ngọc Trâm                                                                               | 08/03/1995            | Nữ        | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH ThS                      | Luật                                                       |               |         |         |
| 7.6 | Lý Ý Long                                                                                      | 04/04/1991            | Nam       | Dao     | DTTS              | Vàng Ma Chải, Phong Thổ - Lai Châu | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                                                       | DTTS          |         |         |
| 7.7 | Vì A Thành                                                                                     | 01/05/1990            | Nam       | Mông    | DTTS              | Có Mạ, Thuận Châu - Sơn La         | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                                                       | DTTS          |         |         |
| 7.8 | Cử A Đình                                                                                      | 02/4/1996             | Nam       | Mông    | DTTS              | Trung Thu, Tủa Chùa, Điện Biên     | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                                                       | DTTS          |         |         |
| 7.9 | Lường Duy Khánh                                                                                | 08/3/1996             | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu  | Công tác biên giới                   | ĐH trở lên | Luật                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                                                       | DTTS          |         |         |
| 8   | Vị trí việc làm: Văn thư - Văn phòng Sở Giao thông vận tải                                     |                       |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                                  |                                                 |                             |                                                            |               |         |         |
| 8.1 | Nguyễn Thị Bắc                                                                                 | 08/07/1991            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Văn thư                              | ĐH trở lên | Văn thư, Lưu trữ                                 |                                                 | ĐH                          | Lưu trữ học                                                | CC Tiếng Mông |         |         |
| 8.2 | Dương Thị Hoàng Anh                                                                            | 06/3/1994             | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Văn thư                              | ĐH trở lên | Văn thư, Lưu trữ                                 |                                                 | ĐH                          | Lưu trữ                                                    |               |         |         |
| 9   | Vị trí việc làm: Quản lý Kế hoạch - Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Giao thông vận tải          |                       |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                                  |                                                 |                             |                                                            |               |         |         |
| 9.1 | Nguyễn Quốc Nam                                                                                | 29/09/1991            | Nam       | Mường   | DTTS              | Thân Thuộc, Tân Uyên - Lai Châu    | Quản lý Kế hoạch                     | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật giao thông (CNKT xây dựng cầu đường bộ) | DTTS          |         |         |
| 9.2 | Vũ Đình Đức                                                                                    | 06/06/1986            | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý Kế hoạch                     | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Xây dựng (cầu đường)                                       |               |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                                                             |                     |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển     |            |                                                  |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                                                                    | Miễn thi                            |         | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                                                         | Ngày tháng năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                          | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                                                        | Ngoại ngữ                           | Tin học |         |
| 9.3  | Sùng A Giả                                                                                                                        | 20/08/1997          | Nam      | Mông    | DTTS              | Pa Ham, Mường Chá - Điện Biên      | Quản lý Kế hoạch                         | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (KTGT đường bộ)                            | DTTS                                |         |         |
| 9.4  | Điền Hoàng Anh                                                                                                                    | 03/09/1995          | Nam      | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý Kế hoạch                         | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật giao thông                                                      | DTTS                                |         |         |
| 9.5  | Chu Xứ Po                                                                                                                         | 15/06/1990          | Nam      | Hà nhĩ  | DTTS              | Thu Lũm, Mường Tè, Lai Châu        | Quản lý Kế hoạch                         | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng (KT hạ tầng đô thị)                                              | DTTS                                |         |         |
| 9.6  | Nông Thanh Thảo                                                                                                                   | 05/12/1990          | Nam      | Tày     | DTTS              | Khánh Hòa, Lục Yên, Yên Bái        | Quản lý Kế hoạch                         | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật giao thông (CNKT xây dựng cầu đường bộ)                         | DTTS                                |         |         |
| 9.7  | Đào Quang Thiện                                                                                                                   | 10/7/1992           | Nam      | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý Kế hoạch                         | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật giao thông (CNKT xây dựng cầu đường bộ)                         |                                     |         |         |
| 9.8  | Lô Thị Phương Thảo                                                                                                                | 06/9/1990           | Nữ       | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý Kế hoạch                         | ĐH trở lên | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông đường bộ |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật giao thông (CNKT xây dựng cầu đường bộ)                         | DTTS                                |         |         |
| 10   | Vị trí việc làm: Quản lý Chất lượng công trình Giao thông - Phòng Quản lý Chất lượng công trình Giao thông, Sở Giao thông vận tải |                     |          |         |                   |                                    |                                          |            |                                                  |                                                 |                             |                                                                                    |                                     |         |         |
| 10.1 | Phạm Ngọc Vương                                                                                                                   | 20/05/1994          | Nam      | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý Chất lượng công trình Giao thông | ĐH trở lên | Xây dựng cầu đường                               |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (KTXD Đường bộ và sân bay)                 |                                     |         |         |
| 10.2 | Vũ Trung Tuấn                                                                                                                     | 20/11/1980          | Nam      | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý Chất lượng công trình Giao thông | ĐH trở lên | Xây dựng cầu đường                               |                                                 | ĐH                          | Xây dựng cầu đường                                                                 |                                     |         |         |
| 10.3 | Vũ Việt Bình                                                                                                                      | 20/12/1983          | Nam      | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý Chất lượng công trình Giao thông | ĐH trở lên | Xây dựng cầu đường                               |                                                 | ĐH                          | Xây dựng cầu đường                                                                 | Giấy chứng nhận học, thi tiếng Mông |         |         |
| 10.4 | Phùng Xuân Hử                                                                                                                     | 09/5/1997           | Nam      | Hà nhĩ  | DTTS              | Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu       | Quản lý Chất lượng công trình Giao thông | ĐH trở lên | Xây dựng cầu đường                               |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng cầu và công trình ngầm (Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông) | DTTS                                |         |         |
| 11   | Vị trí việc làm: Thanh tra - Thanh tra Sở Giao thông vận tải                                                                      |                     |          |         |                   |                                    |                                          |            |                                                  |                                                 |                             |                                                                                    |                                     |         |         |
| 11.1 | Lý Thị Hương Nhài                                                                                                                 | 21/01/1992          | Nữ       | Thái    | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                          |                                                 | ĐH                          | Kế toán                                                                            | DTTS                                |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                                |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển     |            |                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miền thi        |         | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|------------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                            | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                          | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ       | Tin học |         |
| 11.2 | Lâu A Phước                                                                                          | 15/07/1986          | Nam       | Mông    | DTTS              | Nùng Nàng, Tam Đuông - Lai Châu    | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | DTTS            |         |         |
| 11.3 | Phạm Anh Tuấn                                                                                        | 27/11/1991          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | ĐH Ngôn ngữ Anh |         |         |
| 11.4 | Lò Văn Hải                                                                                           | 26/06/1982          | Nam       | Thái    | DTTS              | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | DTTS            |         |         |
| 11.5 | Trần Thị Nga                                                                                         | 11/05/1990          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | CC Tiếng Mông   |         |         |
| 11.6 | Đỗ Thị Lưu                                                                                           | 26/9/1992           | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tuấn Giáo, Tuấn Giáo, Điện Biên | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | CC Tiếng Mông   |         |         |
| 11.7 | Trần Thị Hồng Thắm                                                                                   | 17/11/1987          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |                 |         |         |
| 11.8 | Nguyễn Thị Nhung                                                                                     | 18/8/1989           | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |                 |         |         |
| 11.9 | Nguyễn Triều Phương Thảo                                                                             | 15/12/1995          | Nữ        | Dao     | DTTS              | Tân Lĩnh, Ba Vi, TP Hà Nội         | Thanh tra                                | ĐH trở lên | Kế toán                                                      |                                                 | ĐH                          | Kiểm toán                   | DTTS            |         |         |
| 12   | Vị trí việc làm: Quản lý xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế - Phòng Quản lý thương mại, Sở Công thương |                     |           |         |                   |                                    |                                          |            |                                                              |                                                 |                             |                             |                 |         |         |
| 12.1 | Phạm Xuân Bích                                                                                       | 04/05/1982          | Nam       | Kinh    |                   | Yên Đồng, Yên Mô - Ninh Bình       | Quản lý xuất nhập khẩu - Hợp tác quốc tế | ĐH trở lên | Thương mại Quốc tế                                           |                                                 | ĐH                          | Kinh tế đối ngoại           |                 |         |         |
| 13   | Vị trí việc làm: Quản lý về năng lượng - Phòng Quản lý năng lượng, Sở Công thương                    |                     |           |         |                   |                                    |                                          |            |                                                              |                                                 |                             |                             |                 |         |         |
| 13.1 | Lý Phi Mư                                                                                            | 12/10/1993          | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu    | Quản lý về năng lượng                    | ĐH trở lên | Thủy văn                                                     |                                                 | ĐH                          | Thủy văn                    | DTTS            |         |         |
| 14   | Vị trí việc làm: Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng - Văn phòng Ban Dân tộc tỉnh                   |                     |           |         |                   |                                    |                                          |            |                                                              |                                                 |                             |                             |                 |         |         |
| 14.1 | Nguyễn Văn Hùng                                                                                      | 03/06/1994          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Kim, Than Uyên - Lai Châu    | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng     | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Tài chính - Ngân hàng       | DTTS            |         |         |
| 14.2 | Giang Thị Tuyết Mai                                                                                  | 20/08/1997          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng     | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |                 |         |         |
| 14.3 | Trần Phương Thảo                                                                                     | 18/05/1992          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng     | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ThS                         | Tài chính - Ngân hàng       |                 |         |         |
| 14.4 | Hoàng Gia Thăng                                                                                      | 04/09/1996          | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng     | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH; ThS                     | Tài chính - Ngân hàng       | CC Tiếng Mông   |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                     |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                                                 | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                 | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                                     | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 14.5 | Nguyễn Thị Mai Hương                                                      | 23/10/1998          | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Kế toán                                                         |           |         |         |
| 14.6 | Bùi Thị Nga                                                               | 14/01/1989          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Kế toán                                                         |           |         |         |
| 14.7 | Bùi Thị Huyền Trang                                                       | 06/5/1994           | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Tài chính                                                       |           |         |         |
|      |                                                                           |                     |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                                              |                                                 | Thạc sĩ                     | Quản lý kinh tế                                                 |           |         |         |
| 14.8 | Mai Hoàng Duyên                                                           | 02/6/1991           | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Tài chính ngân hàng                                             |           |         |         |
| 14.9 | Đỗ Thị Dung                                                               | 20/8/1991           | Nữ        | Nùng    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Tham mưu Tổng hợp công tác văn phòng | ĐH trở lên | Tài chính kế toán; Hành chính văn phòng; Hành chính quản trị |                                                 | ĐH                          | Kế toán                                                         | DTTS      |         |         |
| 15   | Vị trí việc làm: Thanh tra theo chuyên ngành - Thanh tra Ban Dân tộc tỉnh |                     |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                                              |                                                 |                             |                                                                 |           |         |         |
| 15.1 | Lô Văn Chuẩn                                                              | 16/07/1989          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu      | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông (Xây dựng cầu đường bộ) | DTTS      |         |         |
| 15.2 | Lương Thị Lan Chuyên                                                      | 30/10/1998          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Chiềng Lỳ, Thuận Châu - Sơn La     | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                                                    | DTTS      |         |         |
| 15.3 | Sùng A Mã                                                                 | 02/10/1991          | Nam       | Mông    | DTTS              | Dào San, Phong Thổ - Lai Châu      | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                         | DTTS      |         |         |
| 15.4 | Phan Thị Sỹ                                                               | 04/06/1991          | Nữ        | Tày     | DTTS              | Điện Quan, Bảo Yên - Lào Cai       | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông                         | DTTS      |         |         |
| 15.5 | Lô Ánh Quỳnh                                                              | 06/11/1998          | Nữ        | Tày     | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                                                            | DTTS      |         |         |
| 15.6 | Nguyễn Hải Dương                                                          | 18/11/1997          | Nam       | Thái    | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                                                            | DTTS      |         |         |
| 15.7 | Vàng A Dũng                                                               | 07/09/1993          | Nam       | Mông    | DTTS              | Nùng Nàng, Tam Đường - Lai Châu    | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                                                            | DTTS      |         |         |
| 15.8 | Ngô Thị Huyền                                                             | 29/10/1993          | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                                                            |           |         |         |
| 15.9 | Trần Tư Lập                                                               | 07/10/1994          | Nam       | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên | Thủy lợi; Giao thông; Luật                                   |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật hạ tầng và phát triển nông thôn                        |           |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                                                        |                       |          |         |                                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                 |                                                    |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                  | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------|-----------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                                                    | Ngày, tháng, năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên                 | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                  | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 15.10 | Mùa A Lồng                                                                                                                   | 15/05/1992            | Nam      | Mông    | DTTS                              | Tả Hộc, Mai Sơn, Sơn La            | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên      | Thủy lợi; Giao thông; Luật                         |                                                 | ĐH                          | Quản lý hệ thống thủy lợi        | DTTS          |         |         |
| 15.11 | Lý Văn Diết                                                                                                                  | 23/01/1999            | Nam      | Dao     | DTTS                              | Pắc Ta, Tân Uyên, Lai Châu         | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên      | Thủy lợi; Giao thông; Luật                         |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 15.12 | Tông Văn Thuận                                                                                                               | 15/10/1994            | Nam      | Thai    | DTTS                              | Nậm Hân, Sin Hồ, Lai Châu          | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên      | Thủy lợi; Giao thông; Luật                         |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật giao thông    | DTTS          |         |         |
| 15.13 | Giang Thị Lâu                                                                                                                | 07/6/1998             | Nữ       | Mông    | DTTS                              | Tả Lềng, Tam Đường, Lai Châu       | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên      | Thủy lợi; Giao thông; Luật                         |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 15.14 | Đặng Thị Ngọc                                                                                                                | 04/8/1994             | Nữ       | Kinh    |                                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên      | Thủy lợi; Giao thông; Luật                         |                                                 | ĐH                          | Luật                             |               |         |         |
| 15.15 | Lô Thị Dung                                                                                                                  | 05/09/1997            | Nữ       | Thai    | DTTS                              | TT Tam Đường, Tam Đường - Lai Châu | Thanh tra theo chuyên ngành          | ĐH trở lên      | Thủy lợi; Giao thông; Luật                         |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 16    | Vị trí việc làm: Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư - Phòng Tổng hợp - Kế hoạch, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng |                       |          |         |                                   |                                    |                                      |                 |                                                    |                                                 |                             |                                  |               |         |         |
| 16.1  | Hồ Quang Vũ                                                                                                                  | 02/12/1997            | Nam      | Kinh    |                                   | Quỳnh Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội    | Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư    | Đại học trở lên | Kinh tế, thương mại, ngoại thương, tài chính, luật |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh              |               |         |         |
| 16.2  | Lý Mỹ Lô                                                                                                                     | 02/6/1997             | Nữ       | Hà nhi  | DTTS                              | Nậm Ban, Nậm Nhùn, Lai Châu        | Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư    | Đại học trở lên | Kinh tế, thương mại, ngoại thương, tài chính, luật |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 16.3  | Phùng A Phử                                                                                                                  | 10/12/1998            | Nam      | Mông    | DTTS                              | Đào San, Phong Thổ, Lai Châu       | Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư    | Đại học trở lên | Kinh tế, thương mại, ngoại thương, tài chính, luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý kinh tế                  | DTTS          |         |         |
| 16.4  | Lê Thị Kim Tuyền                                                                                                             | 08/04/1992            | Nữ       | Kinh    |                                   | Thanh Luông, Điện Biên - Điện Biên | Quản lý đầu tư và xúc tiến đầu tư    | ĐH trở lên      | Kinh tế, thương mại, ngoại thương, tài chính, luật |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                          | CC tiếng Mông |         |         |
| 17    | Vị trí việc làm: Quản lý quy hoạch và xây dựng- Phòng Tổng hợp - Kế hoạch, Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng      |                       |          |         |                                   |                                    |                                      |                 |                                                    |                                                 |                             |                                  |               |         |         |
| 17.1  | Ta Đình Hai                                                                                                                  | 03/5/1997             | Nam      | Kinh    |                                   | Thanh An, Điện Biên, Điện Biên     | Quản lý quy hoạch và xây dựng        | ĐH Trở lên      | Xây dựng, kiến trúc, giao thông                    |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng     |               |         |         |
| 17.2  | Lô Tuấn Anh                                                                                                                  | 16/11/1992            | Nam      | Thai    | DTTS                              | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu    | Quản lý quy hoạch và xây dựng        | ĐH Trở lên      | Xây dựng, kiến trúc, giao thông                    |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng                | DTTS          |         |         |
| 17.3  | Đỗ Mạnh Toàn                                                                                                                 | 20/12/1987            | Nam      | Kinh    | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | Hòa Cường, Yên Định, Yên Bái       | Quản lý quy hoạch và xây dựng        | ĐH Trở lên      | Xây dựng, kiến trúc, giao thông                    |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình     |               |         |         |
| 17.4  | Lê Văn Cường                                                                                                                 | 04/02/1990            | Nam      | Kinh    |                                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu, Lai Châu  | Quản lý quy hoạch và xây dựng        | ĐH Trở lên      | Xây dựng, kiến trúc, giao thông                    |                                                 | ĐH                          | Xây dựng dân dụng và công nghiệp |               |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                  |                       |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                      |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                              | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                              | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển    | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo  | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 17.5  | Mai Thế Huân                                                           | 22/08/1982            | Nam       | Kinh    | Con thương binh   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý quy hoạch và xây dựng        | ĐH trở lên | Xây dựng, kiến trúc, giao thông      |                                                 | ĐH                          | Xây dựng Cầu - Đường         |           |         |         |
| 17.6  | Sùng A Sà                                                              | 25/07/1993            | Nam       | Mông    | DTTS              | Đảo San, Phong Thổ - Lai Châu     | Quản lý quy hoạch và xây dựng        | ĐH Trở lên | Xây dựng, kiến trúc, giao thông      |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng | DTTS      |         |         |
| 18    | Vị trí việc làm: Hành chính tổng hợp - Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư |                       |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                      |                                                 |                             |                              |           |         |         |
| 18.1  | Quảng Văn Cơi                                                          | 16/08/1992            | Nam       | Thái    | DTTS              | Pắc Ma, Mường Tè - Lai Châu       | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.2  | Thảo A Là                                                              | 06/03/1997            | Nam       | Mông    | DTTS              | Pa Ham, Mường Chà - Điện Biên     | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.3  | Chang Xa Lan                                                           | 12/12/1997            | Nữ        | Dao     | DTTS              | Ma Ly Pho, Phong Thổ - Lai Châu   | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.4  | Khoảng Thị Giang                                                       | 09/03/1997            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Nậm Hắng, Nậm Nhùn - Lai Châu     | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.5  | Chu Hu Chữ                                                             | 17/08/1996            | Nam       | Hà nhi  | DTTS              | Thu Lũm, Mường Tè - Lai Châu      | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.6  | Nguyễn Thị Ngân                                                        | 25/08/1998            | Nữ        | Kinh    |                   | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           |           |         |         |
| 18.7  | Trần Huyền Trang                                                       | 16/12/1996            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh doanh              |           |         |         |
| 18.8  | Tông Thị Thu                                                           | 18/7/1997             | Nữ        | Thái    | DTTS              | Mường Kim, Than Uyên, Lai Châu    | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước             | DTTS      |         |         |
| 18.9  | Chang A Tủa                                                            | 15/9/1996             | Nam       | Mông    | DTTS              | Pu Sam Cáp, Sin Hồ, Lai Châu      | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.10 | Trần Thị Cúc                                                           | 30/12/1991            | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu   | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Hành chính học               |           |         |         |
| 18.11 | Lò Thị Ін                                                              | 14/9/1994             | Nữ        | Lự      | DTTS              | Bán Hòn, Tam Đường, Lai Châu      | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |
| 18.12 | Đàm Thanh Thảo                                                         | 11/10/1997            | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên, Lai Châu   | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Luật                         |           |         |         |
| 18.13 | Giảng Thị Dừa                                                          | 08/8/1998             | Nữ        | Mông    | DTTS              | Tả Lềng, Tam Đường, Lai Châu      | Hành chính tổng hợp                  | ĐH trở lên | Luật, Hành chính, Quản trị văn phòng |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng           | DTTS      |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                  |                      |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                    |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                         | Miền thi  |                        | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------|-----------|------------------------|---------|
|      | Họ và tên                                                              | Ngày tháng, năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                  | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo             | Ngoại ngữ | Tin học                |         |
| 19   | Vị trí việc làm: Công nghệ thông tin - Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư |                      |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                                                    |                                                 |                             |                                         |           |                        |         |
| 19.1 | Nguyễn Thị Thảo                                                        | 11/01/1985           | Nữ       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Công nghệ thông tin                  | ĐH trở lên | Công nghệ thông tin                                                |                                                 | ĐH                          | Công nghệ Thông tin                     |           | ĐH Công nghệ thông tin |         |
| 19.2 | Nguyễn Đức Anh                                                         | 21/4/1992            | Nam      | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Công nghệ thông tin                  | ĐH trở lên | Công nghệ thông tin                                                |                                                 | ĐH                          | Công nghệ Thông tin                     |           | ĐH Công nghệ thông tin |         |
| 20   | Vị trí việc làm: Pháp chế - Văn phòng Sở Kế hoạch và Đầu tư            |                      |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                                                    |                                                 |                             |                                         |           |                        |         |
| 20.1 | Tổng Mỹ Linh                                                           | 20/08/1998           | Nữ       | Hà nhĩ  | DTTS              | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật                                    | DTTS      |                        |         |
| 20.2 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh                                                    | 23/11/1994           | Nữ       | Kinh    |                   | Pắc Ta, Tân Uyên - Lai Châu        | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật kinh tế                            |           |                        |         |
| 20.3 | Sùng Thị Vang                                                          | 14/02/1994           | Nữ       | Mông    | DTTS              | Mù Sang, Phong Thổ - Lai Châu      | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật                                    | DTTS      |                        |         |
| 20.4 | Vũ Thủy Tiên                                                           | 19/9/1997            | Nữ       | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu, Lai Châu  | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật                                    |           |                        |         |
| 20.5 | Nguyễn Thị Thảo                                                        | 07/5/1997            | Nữ       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật                                    |           |                        |         |
| 20.6 | Vì Phương Thảo                                                         | 10/6/1991            | Nữ       | Tày     | DTTS              | Quyết Tiến, TP Lai Châu, Lai Châu  | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật                                    | DTTS      |                        |         |
| 20.7 | Lô Thị May                                                             | 11/10/1998           | Nữ       | Thái    | DTTS              | Ang tở, Mường Ang, Điện Biên       | Pháp chế                             | ĐH trở lên | Chuyên ngành Luật                                                  |                                                 | ĐH                          | Luật                                    | DTTS      |                        |         |
| 21   | Vị trí việc làm: Thanh tra - Thanh tra Sở Kế hoạch và Đầu tư           |                      |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                                                    |                                                 |                             |                                         |           |                        |         |
| 21.1 | Đoàn Thị Minh Huyền                                                    | 06/09/1995           | Nữ       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Quản trị Kinh doanh                     |           |                        |         |
| 21.2 | Nguyễn Đình Tôt                                                        | 05/11/1988           | Nam      | Kinh    | Con Bênh binh     | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông |           |                        |         |
| 21.3 | Trần Thùy Dương                                                        | 02/09/1998           | Nữ       | Kinh    |                   | Mường So, Phong Thổ - Lai Châu     | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Luật                                    |           |                        |         |
| 21.4 | Pờ Lam Sim                                                             | 22/12/1993           | Nữ       | Hà nhĩ  | DTTS              | Mường So, Phong Thổ - Lai Châu     | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                                 | DTTS      |                        |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                                      |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                                                    |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                               | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                                  | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                  | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo   | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 21.5  | Vũ Tiên Đạt                                                                                                | 20/10/1996          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng  |           |         |         |
| 21.6  | Lê Trọng Tuấn                                                                                              | 15/09/1990          | Nam       | Kinh    |                   | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn - Lai Châu   | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Công nghệ Kỹ thuật Giao thông |           |         |         |
| 21.7  | Trần Châu Giang                                                                                            | 07/08/1994          | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ThS                         | Kinh tế Nông nghiệp           |           |         |         |
| 21.8  | Bản Văn Trỗi                                                                                               | 16/09/1987          | Nam       | Dao     | DTTS              | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh           | DTTS      |         |         |
| 21.9  | Sé Văn Thục                                                                                                | 13/06/1994          | Nam       | Giáy    | DTTS              | Quyết Thắng, TP Lai Châu           | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Luật                          | DTTS      |         |         |
| 21.10 | Sùng Thị Dao                                                                                               | 20/08/1992          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Nậm Hăn, Sin Hồ - Lai Châu         | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp           | DTTS      |         |         |
| 21.11 | Nguyễn Thủy Linh                                                                                           | 09/5/1998           | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu, Lai Châu  | Thanh tra                               | ĐH trở lên | Luật, Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch, Xây dựng, Giao thông |                                                 | ĐH                          | Luật                          |           |         |         |
| 22    | Vị trí việc làm: Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể - Phòng Đăng ký Kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư |                     |           |         |                   |                                    |                                         |            |                                                                    |                                                 |                             |                               |           |         |         |
| 22.1  | Vàng A Sầu                                                                                                 | 08/10/1998          | Nam       | Mông    | DTTS              | Nùng Năng, Tam Đường - Lai Châu    | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch                             |                                                 | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp           | DTTS      |         |         |
| 22.2  | Sùng A Phư                                                                                                 | 07/02/1993          | Nam       | Mông    | DTTS              | Lăng Mỏ, Sin Hồ - Lai Châu         | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch                             |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh           | DTTS      |         |         |
| 22.3  | Đỗ Thủy Linh                                                                                               | 23/02/1996          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch                             |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh           |           |         |         |
| 22.4  | Nguyễn Thị Hồng Phúc                                                                                       | 19/04/1997          | Nữ        | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch                             |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh           |           |         |         |
| 22.5  | Giảng Thị May                                                                                              | 15/05/1996          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch                             |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh           | DTTS      |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                                              |                       |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                              | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                                          | Ngày, tháng, năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                 | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo  | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 22.6  | Nguyễn Thị Việt Hà                                                                                                 | 04/09/1995            | Nữ       | Kinh    |                   | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ThS                         | Quản lý Kinh tế              |               |         |         |
| 22.7  | Lê Thị Thanh Thủy                                                                                                  | 31/07/1998            | Nữ       | Kinh    |                   | Đạo Đức, Bình Xuyên - Vĩnh Phúc    | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh          |               |         |         |
| 22.8  | Nguyễn Thị Hiền                                                                                                    | 18/08/1993            | Nữ       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh          |               |         |         |
| 22.9  | Lò Thị Tĩnh                                                                                                        | 15/03/1997            | Nữ       | Thái    | DTTS              | Tà Hừa, Than Uyên - Lai Châu       | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                      | DTTS          |         |         |
| 22.10 | Lý Hồng Anh                                                                                                        | 09/11/1994            | Nữ       | Thái    | DTTS              | Mường So, Phong Thổ - Lai Châu     | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                      | DTTS          |         |         |
| 22.11 | Vàng Thị Thu                                                                                                       | 23/7/1994             | Nữ       | Thái    | DTTS              | Hồng Lĩnh, hưng Hà, Thái Bình      | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                      | DTTS          |         |         |
| 22.12 | Lý A Dờ                                                                                                            | 26/5/1998             | Nam      | Mông    | DTTS              | La Pán Tán, Mù Cang Chải, Yên Bái  | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                      | DTTS          |         |         |
| 22.13 | Sùng A Phương                                                                                                      | 10/4/1997             | Nam      | Mông    | DTTS              | Làng Mỏ, Sin Hồ - Lai Châu         | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Kinh tế                      | DTTS          |         |         |
| 22.14 | Trần Phương Anh                                                                                                    | 26/03/1995            | Nữ       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp          | CC Tiếng Mông |         |         |
| 22.15 | Lò Văn Nỏ                                                                                                          | 16/6/1997             | Nam      | Thái    | DTTS              | Năm Cuối, Sin Hồ, Lai Châu         | Quản lý Doanh nghiệp và Kinh tế tập thể | ĐH trở lên | Kinh tế, Quản trị kinh doanh, Kế hoạch            |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước về kinh tế  | DTTS          |         |         |
| 23    | Vị trí việc làm: Thẩm định chủ trương đầu tư - Phòng Đầu thầu, thẩm định và giám sát đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư |                       |          |         |                   |                                    |                                         |            |                                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 23.1  | Trần Việt Nam                                                                                                      | 13/01/1992            | Nam      | Kinh    |                   | Tân Khánh, Vụ Bản - Nam Định       | Thẩm định chủ trương đầu tư             | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng            |               |         |         |
| 23.2  | Vùi Thị Ngọt                                                                                                       | 23/09/1993            | Nữ       | Giáy    | DTTS              | Bán Lang, Phong Thổ - Lai Châu     | Thẩm định chủ trương đầu tư             | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng | DTTS          |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                           |                       |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                                      | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|---------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                       | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                 | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                          | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 23.3  | Nguyễn Liên Trà                                                                                 | 31/08/1998            | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, Tp Lai Châu - Lai Châu   | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kế toán (Kiểm toán)                                  |               |         |         |
| 23.4  | Trần Đức Ngọc                                                                                   | 30/10/1979            | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp                     | CC Tiếng Mông |         |         |
| 23.5  | Nguyễn Việt Dũng                                                                                | 30/10/1987            | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Phong, Tp Lai Châu - Lai Châu | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Xây dựng công trình Cầu - Đường                      |               |         |         |
| 23.6  | Trần Văn Đoàn                                                                                   | 30/01/1994            | Nam       | Kinh    |                   | Tiền Tiến, Phú Cũ, Hưng Yên        | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kinh tế xây dựng                                     |               |         |         |
| 23.7  | Nguyễn Hữu Duy                                                                                  | 01/6/1992             | Nam       | Kinh    |                   | Hòa Bình, Vĩnh Bảo, TP Hải Phòng   | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình thủy                    |               |         |         |
| 23.8  | Đỗ Hồng Quân                                                                                    | 22/10/1992            | Nam       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu  | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình Dân dụng và công nghiệp |               |         |         |
| 23.9  | Lê Ngọc Hưng                                                                                    | 30/5/1991             | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Phong, Tp Lai Châu - Lai Châu | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng                                    |               |         |         |
| 23.10 | Lê Huy Tùng                                                                                     | 29/9/1995             | Nam       | Kinh    |                   | Xuân lộc, Triệu sơn, Thanh Hóa     | Thẩm định chủ trương đầu tư          | ĐH trở lên | Kinh tế, Xây dựng, Giao thông, Thủy lợi, Kế hoạch |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông              |               |         |         |
| 24    | Vị trí việc làm: Điều hành Hệ thống Công nghệ thông tin, quản trị mạng - Văn phòng Sở Tài chính |                       |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                                   |                                                 |                             |                                                      |               |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển                  |                   |                                           |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                          | Miễn thi  |                 | Ghi chú |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|-------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|-----------|-----------------|---------|
|      | Họ và tên                                                                            | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                                       | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển         | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo              | Ngoại ngữ | Tin học         |         |
| 24.1 | Hồ Thị Hòa                                                                           | 26/04/1991          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Điều hành Hệ thống Công nghệ thông tin, quản trị mạng | ĐH trở lên        | Công nghệ thông tin; Quản trị mạng        |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật Điện tử, truyền thông |           | ĐH Công nghệ TT |         |
| 24.2 | Nguyễn Ngọc Duy                                                                      | 11/11/1993          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Điều hành Hệ thống Công nghệ thông tin, quản trị mạng | ĐH trở lên        | Công nghệ thông tin; Quản trị mạng        |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin                      |           | ĐH Công nghệ TT |         |
| 25   | Vị trí việc làm: Kiểm lâm - Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                     |           |         |                   |                                    |                                                       |                   |                                           |                                                 |                             |                                          |           |                 |         |
| 25.1 | Vũ Văn Long                                                                          | 30/07/1995          | Nam       | Giáy    | DTTS              | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng                  | DTTS      |                 |         |
| 25.2 | Nguyễn Hữu Toàn                                                                      | 11/09/1984          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng                  |           |                 |         |
| 25.3 | Chang A Thỏ                                                                          | 12/06/1994          | Nam       | Mông    | DTTS              | Sà Dề Phìn, Sin Hồ - Lai Châu      | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm sinh                                 | DTTS      |                 |         |
| 25.4 | Lầu A Chá                                                                            | 15/01/1997          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tủa Sin Chải, Sin Hồ - Lai Châu    | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng                  | DTTS      |                 |         |
| 25.5 | Nguyễn Ngọc Quang                                                                    | 04/10/1998          | Nam       | Kinh    |                   | Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định      | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng                  |           |                 |         |
| 25.6 | Lô Văn Cường                                                                         | 08/08/1993          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường So, Phong Thổ - Lai Châu     | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm sinh                                 | DTTS      |                 |         |
| 25.7 | Tân Xoang Phú                                                                        | 23/05/1990          | Nam       | Dao     | DTTS              | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Lâm sinh                                 | DTTS      |                 |         |
| 25.8 | Điền Văn Tài                                                                         | 22/12/1993          | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu   | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | Trung cấp                   | Quản lý tài nguyên rừng                  | DTTS      |                 |         |
| 25.9 | Tông Văn Thánh                                                                       | 28/12/1993          | Nam       | Thái    | DTTS              | Thân Thuộc, Tân Uyên - Lai Châu    | Kiểm lâm                                              | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Nông lâm kết hợp                         | DTTS      |                 |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh |                      |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                   |                                           |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|----------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển         | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 25.10 | Phà A Hù              | 27/11/1995           | Nam       | Mông    | DTTS              | Có Tổng, Thuận Châu - Sơn La       | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |         |         |
| 25.11 | Đào Anh Tuấn          | 16/06/1994           | Nam       | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng               |           |         |         |
| 25.12 | Pờ Văn Nguyễn         | 15/09/1995           | Nam       | Thái    | DTTS              | Hoàng Thên, Phong Thổ - Lai Châu   | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm Sinh                              | DTTS      |         |         |
| 25.13 | Lường Thị Tuyết       | 05/12/1992           | Nữ        | Thái    | DTTS              | Lê Lới, Nậm Nhùn - Lai Châu        | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường | DTTS      |         |         |
| 25.14 | Sùng Thị Ke           | 30/08/1994           | Nữ        | Mông    | DTTS              | Dào San, Phong Thổ - Lai Châu      | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                            | DTTS      |         |         |
| 25.15 | Vũ Minh Tuấn          | 10/08/1995           | Nam       | Kinh    |                   | Bắc Lệnh, TP Lào Cai - Lào Cai     | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                            |           |         |         |
| 25.16 | Pờ Hà Đông            | 25/05/1991           | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè - Lai Châu         | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm sinh                              | DTTS      |         |         |
| 25.17 | Lô Bá Nà              | 22/12/1997           | Nữ        | La hủ   | DTTS              | Pa Về Sủ, Mường Tà - Lai Châu      | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |         |         |
| 25.18 | Lo Cường Mạnh         | 28/08/1996           | Nam       | Thái    | DTTS              | Tt Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |         |         |
| 25.19 | Vàng A Cháp           | 03/10/1998           | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Tông, Mường Tè - Lai Châu       | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |         |         |
| 25.20 | Lầu A Nhia            | 15/10/1997           | Nam       | Mông    | DTTS              | Có Tổng, Thuận Châu - Sơn La       | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |         |         |
| 25.21 | Ma A Giao             | 11/02/1996           | Nam       | Mông    | DTTS              | Giang Ma, Tam Đường - Lai Châu     | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |         |         |
| 25.22 | Vương Anh Nga         | 22/06/1989           | Nam       | Thái    | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Kiểm lâm                             | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Lâm sinh                              | DTTS      |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển     |                 |                   |                                           |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miền thi  |            | Ghi chú |
|-------|-----------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------------|-----------------|-------------------|-------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-----------|------------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú           | Vị trí dự tuyển | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển         | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ | Tin học    |         |
| 25.23 | Nguyễn Nhật Huyền     | 10/01/1993          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Mù Cang Chải, Mù Cang Chải, - Yên Bái | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp (Nông lâm kết hợp)         |           |            |         |
| 25.24 | Thảo A Dao            | 15/03/1994          | Nam       | Mông    | DTTS              | Ta Phìn, Sơn Hồ - Lai Châu               | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                            | DTTS      |            |         |
| 25.25 | Tông Văn Vương        | 21/09/1996          | Nam       | Thái    | DTTS              | Na Lay, Mường Lay - Điện Biên            | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |            |         |
| 25.26 | Lương Văn Hải         | 03/06/1997          | Nam       | Thái    | DTTS              | Pắc Ta, Tân Uyên - Lai Châu              | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                            | DTTS      |            |         |
| 25.27 | Nông Văn Biên         | 01/04/1997          | Nam       | Giáy    | DTTS              | Mường So, Phong Thổ - Lai Châu           | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |            |         |
| 25.28 | Lý A Dia              | 01/09/1990          | Nam       | Mông    | DTTS              | Sùng Phai, TP Lai Châu - Lai Châu        | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường | DTTS      |            |         |
| 25.29 | Điền Văn Từ           | 16/03/1993          | Nam       | Thái    | DTTS              | Lê Lợi, Nậm Nhùn - Lai Châu              | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |            |         |
| 25.30 | Lý Văn Nam            | 22/10/1996          | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu       | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |            |         |
| 25.31 | Lầu A Nà              | 15/09/1994          | Nam       | Mông    | DTTS              | Có Tổng, Thuận Châu - Sơn La             | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng               | DTTS      |            |         |
| 25.32 | Vàng A Cù             | 06/7/1997           | Nam       | Mông    | DTTS              | Long Hè, Thuận Châu, Sơn La              | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | CD                          | Lâm nghiệp                            | DTTS      | TC tin học |         |
| 25.33 | Tổng Văn Nghi         | 19/4/1992           | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu         | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường | DTTS      |            |         |
| 25.34 | Ngài Sinh Pao         | 11/12/1998          | Nam       | Mông    | DTTS              | Mù Sang, Phong Thổ, Lai Châu             | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                            | DTTS      |            |         |
| 25.35 | Vàng Văn Cạ           | 20/10/1999          | Nam       | La Hủ   | DTTS              | Pa Vệ Sủ, Mường Tè, Lai Châu             | Kiểm lâm        | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                            | DTTS      |            |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                                           |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                                     |                   |                                                                          |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                                       | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển                     | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                        | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 25.36 | Hoàng Bảo Ngọc                                                                                                  | 27/5/1994           | Nam       | Kinh    |                   | Mường So, Phong Thổ - Lai Châu       | Kiểm lâm                            | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh                                |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                  |           |         |         |
| 25.37 | Mùa A Khoa                                                                                                      | 26/4/1989           | Nam       | Mông    | DTTS              | Nậm Hàng, Nậm Nhùn, Lai Châu         | Kiểm lâm                            | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh                                |                                                 | Trung cấp                   | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 25.38 | Lô Thị Tré                                                                                                      | 06/01/1999          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Pắc Ta, Tân Uyên - Lai Châu          | Kiểm lâm                            | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh                                |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                  | DTTS      |         |         |
| 25.39 | Pờ Pô Tư                                                                                                        | 01/7/1995           | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè, Lai Châu            | Kiểm lâm                            | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh                                |                                                 | CD                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 25.40 | Cà Văn Chung                                                                                                    | 12/6/1992           | Nam       | Thái    | DTTS              | Phông Láp, Thuận Châu, Sơn La        | Kiểm lâm                            | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh                                |                                                 | Trung cấp                   | Lâm sinh                    | DTTS      |         |         |
| 25.41 | Sùng A Vàng                                                                                                     | 21/02/1992          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Ngáo, Sin hồ, Lai Châu            | Kiểm lâm                            | Trung cấp trở lên | Quản lý bảo vệ rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh                                |                                                 | Trung cấp                   | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 26    | Vị trí việc làm: Theo dõi sử dụng và phát triển rừng - Chỉ cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                     |           |         |                   |                                      |                                     |                   |                                                                          |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 26.1  | Vũ Trọng Nam                                                                                                    | 21/4/1997           | Nam       | Kinh    |                   | Hầm Lam, TP Điện Biên, Điện Biên     | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     |           |         |         |
| 26.2  | Giảng Thị Nhung                                                                                                 | 09/7/1984           | Nữ        | Thái    | DTTS              | Quyết Tiến, TP Lai Châu, Lai Châu    | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |
| 26.3  | Nguyễn Đình Bình Diệp                                                                                           | 07/01/1995          | Nam       | Kinh    |                   | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu   | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | Thạc sĩ                     | Quản lý đất đai             |           |         |         |
| 26.4  | Nguyễn Thị Tươi                                                                                                 | 07/10/1990          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu     | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             |           |         |         |
| 26.5  | Trần Khánh Hoàng                                                                                                | 11/5/1993           | Nam       | Kinh    |                   | Lê Lợi, TP Kon Tum, Kon Tum          | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             |           |         |         |
| 26.6  | Chèo Sài Mìn                                                                                                    | 05/05/1993          | Nam       | Dao     | DTTS              | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu         | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng | Đại học trở lên   | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                                                  |                     |           |         |                   |                                       | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển       |                 |                                                                          |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                                              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú        | Vị trí dự tuyển                            | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                        | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 26.7 | Hà Văn Tích                                                                                                            | 20/9/1985           | Nam       | Thái    | DTTS              | Năm Hàng, Năm Nhùn, Lai Châu          | Theo dõi sử dụng và phát triển rừng        | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Quản lý đất đai. |                                                 | ĐH                          | Nông lâm tổng hợp           | DTTS      |         |         |
| 27   | Vị trí việc làm: Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên - Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                     |           |         |                   |                                       |                                            |                 |                                                                          |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 27.1 | Điền Văn Huynh                                                                                                         | 13/09/1997          | Nam       | Thái    | DTTS              | Năm Hàng - Năm Nhùn - Lai Châu        | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.2 | Lý Thanh Hương                                                                                                         | 30/7/1999           | Nữ        | Hà Nhi  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè, Lai Châu             | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.3 | Sùng A Dơ                                                                                                              | 14/12/1997          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tà Tổng, Mường Tè - Lai Châu          | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.4 | La Thị Đình                                                                                                            | 01/7/1999           | Nữ        | Thái    | DTTS              | Thị trấn Năm Nhùn, Năm Nhùn, Lai Châu | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.5 | Lô Văn Kỳ                                                                                                              | 06/01/1995          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu          | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                  | DTTS      |         |         |
| 27.6 | Lầu Thị Dơ                                                                                                             | 08/6/1998           | Nữ        | Mông    | DTTS              | Mường Nhé, Mường Nhé, Điện Biên       | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                  | DTTS      |         |         |
| 27.7 | Lô Văn Chúc                                                                                                            | 11/11/1996          | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Năm Nhùn, Năm Nhùn, Lai Châu       | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.8 | Pờ Pô Nu                                                                                                               | 24/06/1997          | Nữ        | La hú   | DTTS              | Bum Tơ, Mường Tè - Lai Châu           | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                  | DTTS      |         |         |
| 27.9 | Phan Mạnh Hiền                                                                                                         | 27/8/1997           | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Than, Than Uyên, Lai Châu       | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng                   |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                  | DTTS      |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh |                       |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển       |                 |                                                        |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                            | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                      | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 27.10 | Hạng A Kỳ             | 19/7/1996             | Nam       | Mông    | DTTS              | Tà Sin Thàng, Tủa Chùa, Điện Biên  | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm sinh                    | DTTS      |         |         |
| 27.11 | Nguyễn Đức Quỳnh      | 10/05/1995            | Nam       | Kinh    |                   | Bình Lư, Tam Đường - Lai Châu      | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     |           |         |         |
| 27.12 | Pờ Xù Po              | 15/8/1993             | Nam       | Hà Nhi  | DTTS              | Ka Lâng, Mường Tè, Lai Châu        | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.13 | Liềm Văn Quý          | 12/7/1995             | Nam       | Thái    | DTTS              | Bản Bò, Tam Đường, Lai Châu        | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.14 | Kiều Thị Lan          | 10/01/1993            | Nữ        | Kinh    |                   | Pắc Ta, Tân Uyên, Lai Châu         | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm Nghiệp                  |           |         |         |
| 27.15 | Chèo Xuân Phán        | 17/3/1993             | Nam       | Dao     | DTTS              | TT Sin Hồ, Sin Hồ, Lai Châu        | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.16 | Quách Đình Huy        | 13/12/1999            | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Phong, Nho Quan, Ninh Bình    | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     |           |         |         |
| 27.17 | Vàng A Dừng           | 27/3/1996             | Nam       | Mông    | DTTS              | Khun Há, Tam Đường, Lai Châu       | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm sinh                    | DTTS      |         |         |
| 27.18 | Sin Văn Chiến         | 15/10/1997            | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |
| 27.19 | Lý Khử Tư             | 02/8/1997             | Nam       | Hà Nhi  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu    | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm sinh                    | DTTS      |         |         |
| 27.20 | Lương Liên Thanh      | 15/01/1996            | Nam       | Thái    | DTTS              | Ta Gia, Than Uyên, Lai Châu        | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng     | DTTS      |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                               |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển       |                 |                                                        |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                              | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                           | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                            | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                      | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                  | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 27.21 | Nguyễn Văn Hoàn                                                                     | 03/11/1991          | Nam       | Kinh    |                   | Quảng Nghiệp, Tứ Kỳ - Hải Dương    | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm học                                      |           |         |         |
| 27.22 | Lô Văn Quân                                                                         | 03/10/1993          | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                                   | DTTS      |         |         |
| 27.23 | Lô Văn Cơi                                                                          | 19/5/1994           | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Kim, Than Uyên, Lai Châu     | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng                      | DTTS      |         |         |
| 27.24 | Lý Văn Hồng                                                                         | 01/7/1996           | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu    | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng                      | DTTS      |         |         |
| 27.25 | Thùng Văn Hà                                                                        | 18/02/1990          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường So, Phong Thổ, Lai Châu      | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                                   | DTTS      |         |         |
| 27.26 | Nguyễn Quang Tùng                                                                   | 01/9/1991           | Nam       | Kinh    |                   | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Lâm nghiệp                                   |           |         |         |
| 27.27 | Lô Văn Vũ                                                                           | 25/11/1998          | Nam       | Thái    | DTTS              | Trung Đông, Tân Uyên - Lai Châu    | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng                      | DTTS      |         |         |
| 27.28 | Hoàng Thị Liên                                                                      | 10/8/1989           | Nữ        | Giáy    | DTTS              | TT Tam Đường, Tam Đường, Lai Châu  | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường        | DTTS      |         |         |
| 27.29 | Hoàng Kim Giang                                                                     | 24/7/1991           | Nam       | Tày     | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu   | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên rừng và Môi trường        | DTTS      |         |         |
| 27.30 | Lương Thị Giót                                                                      | 02/11/1990          | Nữ        | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu    | Quản lý bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên | Đại học trở lên | Lâm học; Lâm sinh; Lâm nghiệp; Quản lý tài nguyên rừng |                                                 | ĐH                          | Quản lý bảo vệ tài nguyên rừng và môi trường | DTTS      |         |         |
| 28    | Vị trí việc làm: Kế toán - Chi cục Kiểm lâm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                     |           |         |                   |                                    |                                            |                 |                                                        |                                                 |                             |                                              |           |         |         |
| 28.1  | Nguyễn Thị Trang                                                                    | 08/10/1989          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu   | Kế toán                                    | Đại học trở lên | Tài chính, kế toán                                     |                                                 | ĐH                          | Kế toán                                      |           |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                                              |                      |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                              |                 |                                                                                | Ngành, chuyên ngành đào tạo                     |          | Miễn thi                    |                               | Ghi chú |         |
|------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------|-----------------------------|-------------------------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                                          | Ngày tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển              | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                              | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ                     |         | Tin học |
| 28.2 | Phạm Thị Thu Hiền                                                                                                  | 08/3/1995            | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu      | Kế toán                      | Đại học trở lên | Tài chính, kế toán                                                             |                                                 | ĐH       | Kế toán                     |                               |         |         |
| 28.3 | Lê Thị Sen                                                                                                         | 06/7/1991            | Nữ        | Kinh    |                   | Thuần Lộc, Hậu lộc, Thanh Hóa        | Kế toán                      | Đại học trở lên | Tài chính, kế toán                                                             |                                                 | ĐH       | Kế toán                     |                               |         |         |
| 28.4 | Nguyễn Thị Hải                                                                                                     | 03/4/1987            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu     | Kế toán                      | Đại học trở lên | Tài chính, kế toán                                                             |                                                 | ĐH       | Kế toán                     |                               |         |         |
| 28.5 | Trần Đức Đại                                                                                                       | 08/9/1986            | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu     | Kế toán                      | Đại học trở lên | Tài chính, kế toán                                                             |                                                 | ĐH       | Kế toán                     |                               |         |         |
| 28.6 | Hoàng Thị Hoa Mai                                                                                                  | 15/8/1991            | Nữ        | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ, Lai Châu          | Kế toán                      | Đại học trở lên | Tài chính, kế toán                                                             |                                                 | ĐH       | Kế toán                     | Giấy chứng nhận CC tiếng Mông |         |         |
| 29   | Vị trí việc làm: Quản lý quy hoạch - Kế hoạch - Phòng Kế hoạch - Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                      |           |         |                   |                                      |                              |                 |                                                                                |                                                 |          |                             |                               |         |         |
| 29.1 | Hoàng Thị Đào                                                                                                      | 10/10/1996           | Nữ        | Giáy    | DTTS              | TT Tam Đường, Tam Đường, Lai Châu    | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH       | Kinh tế nông nghiệp         | DTTS                          |         |         |
| 29.2 | Nguyễn Thị Oanh                                                                                                    | 08/5/1995            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu     | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH       | Quản trị kinh doanh         |                               |         |         |
| 29.3 | Cà Thị Thảo                                                                                                        | 20/4/1999            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Khổng Lập, Thuận Châu, Sơn La        | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH       | Luật kinh tế                | DTTS                          |         |         |
| 29.4 | Vừ A Sênh                                                                                                          | 01/10/1996           | Nam       | Mông    | DTTS              | Pá Lông, Thuận Châu, Sơn La          | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH       | Kinh tế nông nghiệp         | DTTS                          |         |         |
| 29.5 | Vàng A Thênh                                                                                                       | 14/7/1997            | Nam       | Mông    | DTTS              | Hồng Thu, Sin Hồ, Lai Châu           | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH       | Kinh tế nông nghiệp         | DTTS                          |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                              |                 |                                                                                |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi                                   |         | Ghi chú                                |
|-------|-----------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------------|---------|----------------------------------------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển              | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                              | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ                                  | Tin học |                                        |
| 29.6  | Nguyễn Thị Phương     | 28/10/1999          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu     | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh                   |                                            |         |                                        |
| 29.7  | Hoàng Thế Hậu         | 28/5/1992           | Nam       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu    | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Quản trị kinh doanh                   |                                            |         |                                        |
| 29.8  | Vàng A Chung          | 10/3/1998           | Nam       | Mông    | DTTS              | Nùng Năng, Tam Đường, Lai Châu       | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp                   | DTTS                                       |         |                                        |
| 29.9  | Điều Thị Việt         | 09/6/1995           | Nữ        | Thái    | DTTS              | Nậm Hắng, Nậm Nhùn, Lai Châu         | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp                   | DTTS                                       |         |                                        |
| 29.10 | Quảng Văn Đồi         | 07/6/1992           | Nam       | Thái    | DTTS              | Quải Nưa, Tuần Giáo, Điện Biên       | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp                   | DTTS                                       |         |                                        |
| 29.11 | Lò Thị Tâm            | 01/01/1994          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu     | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp                   | DTTS                                       |         |                                        |
| 29.12 | Triệu Thị Máy         | 09/01/1999          | Nữ        | Dao     | DTTS              | Phúc Than, Than Uyên, Lai Châu       | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp                   | DTTS                                       |         |                                        |
| 29.13 | Lê Ngọc Minh          | 15/4/1986           | Nam       | Kinh    |                   | Thanh Phong, Thanh Chương, Nghệ An   | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế nông nghiệp                   |                                            |         |                                        |
| 29.14 | Nguyễn Thị Khanh      | 03/02/1988          | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu, Lai Châu    | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | Đại học trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | Thạc sỹ                     | ĐH: Kinh tế; Ths: Quản trị kinh doanh | Có bằng tốt nghiệp do cơ sở nước ngoài cấp |         | ĐH Giao thông đường bộ Matxcova (MADI) |
| 29.15 | Lò Văn Vinh           | 11/02/1986          | Nam       | Thái    | DTTS              | Trung Đồng, Tân Uyên - Lai Châu      | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch | ĐH trở lên      | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                 | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp                   | DTTS                                       |         |                                        |





| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                |                     |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                |                                                                                                                                                                                            | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                            | Ngày tháng năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                              | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển                                                                                                                                            | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 29.16 | Trịnh Hà Vy                                                          | 15/05/1996          | Nữ       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch         | ĐH trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                                                                                                                                                            | Thạc sỹ                     | Luật kinh tế                | CC Tiếng Mông |         |         |
| 29.17 | Lý A Chu                                                             | 04/02/1985          | Nam      | Mông    | DTTS              | Pủ Nhung, Tuần Giáo - Điện Biên    | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch         | ĐH trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp         | DTTS          |         |         |
| 29.18 | Tân Minh Tuấn                                                        | 22/11/1995          | Nam      | Dao     | DTTS              | Ma Ly Pho, Phong Thổ - Lai Châu    | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch         | ĐH trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp         | DTTS          |         |         |
| 29.19 | Hoàng Trọng Long                                                     | 27/12/1993          | Nam      | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu, Lai Châu   | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch         | ĐH trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Quản trị kinh doanh         | DTTS          |         |         |
| 29.20 | Nguyễn Anh Phương                                                    | 14/9/1992           | Nữ       | Kinh    |                   | San thàng, TP Lai Châu, Lai Châu   | Quản lý quy hoạch - Kế hoạch         | ĐH trở lên | Kinh tế nông nghiệp; Kế hoạch và phát triển; Quản trị kinh doanh; Luật kinh tế |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Kinh tế phát triển; Kế toán |               |         |         |
| 30    | Vị trí việc làm: Tổng hợp văn xã - Phòng Văn xã, Văn phòng UBND tỉnh |                     |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                                                                |                                                                                                                                                                                            |                             |                             |               |         |         |
| 30.1  | Nguyễn Thị Chanh                                                     | 04/09/1983          | Nữ       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Tổng hợp văn xã                      | ĐH trở lên | Luật; Kinh tế; Bảo chí                                                         | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Bảo chí                     | CC Tiếng Mông |         |         |
| 30.2  | Trịnh Văn Hiếu                                                       | 03/09/1991          | Nam      | Kinh    | Con thương binh   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Tổng hợp văn xã                      | ĐH trở lên | Luật; Kinh tế; Bảo chí                                                         | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Luật                        |               |         |         |
| 30.3  | Đào Thị Thanh Hoa                                                    | 02/01/1987          | Nữ       | Kinh    |                   | Đông Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Tổng hợp văn xã                      | ĐH trở lên | Luật; Kinh tế; Bảo chí                                                         | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Bảo chí                     |               |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                              |                     |           |         |                   |                                       | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                                                                                                                                                            | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú        | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển                                                                                                                                            | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 30.4 | Nguyễn Hải Tiệp                                                                                    | 07/04/1991          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu     | Tổng hợp văn xã                      | ĐH trở lên | Luật; Kinh tế; Báo chí            | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Quản trị kinh doanh         |               |         |         |
| 30.5 | Đỗ Ngọc Khánh Ly                                                                                   | 23/10/1991          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu     | Tổng hợp văn xã                      | ĐH trở lên | Luật; Kinh tế; Báo chí            | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Tài chính - Doanh nghiệp    |               |         |         |
| 31   | Vị trí việc làm: Tổng hợp Kinh tế ngành - Phòng Kinh tế ngành - Tái định cư, Văn phòng UBND tỉnh   |                     |           |         |                   |                                       |                                      |            |                                   |                                                                                                                                                                                            |                             |                             |               |         |         |
| 31.1 | Phạm Huy Hoàng                                                                                     | 20/12/1988          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu     | Tổng hợp Kinh tế ngành               | ĐH trở lên | Quản lý đất đai                   | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Quản lý đất đai             | CC Tiếng Mông |         |         |
|      |                                                                                                    |                     |           |         |                   |                                       |                                      |            |                                   |                                                                                                                                                                                            | Thạc sỹ                     | Quản lý đất đai             |               |         |         |
| 31.2 | Nguyễn Thị Kim Oanh                                                                                | 02/3/1995           | Nữ        | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ, Lai Châu           | Tổng hợp Kinh tế ngành               | ĐH trở lên | Quản lý đất đai                   | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Quản lý đất đai             |               |         |         |
| 32   | Vị trí việc làm: Tổng hợp xây dựng cơ bản - Phòng Kinh tế ngành - Tái định cư, Văn phòng UBND tỉnh |                     |           |         |                   |                                       |                                      |            |                                   |                                                                                                                                                                                            |                             |                             |               |         |         |
| 32.1 | Nguyễn Vũ Tuấn Anh                                                                                 | 08/02/1986          | Nam       | Kinh    |                   | Mường Thanh, TP Điện Biên - Điện Biên | Tổng hợp xây dựng cơ bản             | ĐH trở lên | Cầu đường bộ                      | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Xây dựng Cầu đường          | CC Tiếng Mông |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                   |                     |           |         |                                                                  |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                                                                                                                                                            | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi                   |         | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|----------------------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                               | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên                                                | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển                                                                                                                                            | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ                  | Tin học |         |
| 32.2 | Lưu Xuân Quỳnh                                                          | 01/02/1984          | Nam       | Kinh    | Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | Đông Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Tổng hợp xây dựng cơ bản             | ĐH trở lên | Cầu đường bộ                      | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Xây dựng Cầu đường          | CC Tiếng Mông              |         |         |
| 33   | Vị trí việc làm: Kế toán - Phòng Quản trị - Tài vụ, Văn phòng UBND tỉnh |                     |           |         |                                                                  |                                    |                                      |            |                                   |                                                                                                                                                                                            |                             |                             |                            |         |         |
| 33.1 | Nguyễn Thị Thủy Linh                                                    | 22/02/1987          | Nữ        | Kinh    |                                                                  | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu   | Kế toán                              | ĐH trở lên | Kế toán                           | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Kế toán                     | CC Tiếng Mông              |         |         |
| 33.2 | Trần Thị Huyền Trang                                                    | 26/09/1996          | Nữ        | Kinh    |                                                                  | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Kế toán                              | ĐH trở lên | Kế toán                           | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Kế toán                     | Giấy chứng nhận tiếng Mông |         |         |
| 33.3 | Bùi Thanh Thanh                                                         | 09/09/1991          | Nữ        | Kinh    |                                                                  | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Kế toán                              | ĐH trở lên | Kế toán                           | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Kế toán                     |                            |         |         |
| 33.4 | Nguyễn Thị Hạnh                                                         | 29/12/1990          | Nữ        | Kinh    |                                                                  | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Kế toán                              | ĐH trở lên | Kế toán                           | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Kế toán                     | CC Tiếng Mông              |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                                   |                       |           |         |                   |                                      | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                                                                                                                                                            | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                               | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển                                                                                                                                            | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 33.5 | Hoàng Đức Việt                                                                                          | 07/03/1990            | Nam       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu     | Kế toán                              | ĐH trở lên | Kế toán                           | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 33.6 | Mai Thị Lý                                                                                              | 01/10/1987            | Nữ        | Kinh    |                   | Đông Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Kế toán                              | ĐH trở lên | Kế toán                           | Có 02 năm kinh nghiệm làm việc theo đúng ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí dự tuyển (kể từ khi tốt nghiệp), có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo đúng quy định của pháp luật | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 34   | Vị trí việc làm: Kiểm soát Thủ tục hành chính - Phòng Kiểm soát Thủ tục hành chính, Văn phòng UBND tỉnh |                       |           |         |                   |                                      |                                      |            |                                   |                                                                                                                                                                                            |                             |                             |           |         |         |
| 34.1 | Đỗ Hoài Thu                                                                                             | 28/07/1998            | Nữ        | Kinh    |                   | Quyết Tiến, Lai Châu - Lai Châu      | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Luật kinh tế                |           |         |         |
| 34.2 | Sùng Dũng                                                                                               | 01/01/1997            | Nam       | Mông    | DTTS              | La Pan Tán, Mường Khương - Lào Cai   | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.3 | Lâu Hồ Sinh                                                                                             | 09/01/1996            | Nam       | Mông    | DTTS              | Làng Mỏ, Sin Hồ - Lai Châu           | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.4 | Nguyễn Văn Chiến                                                                                        | 10/04/1992            | Nam       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu     | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Luật kinh tế                |           |         |         |
| 34.5 | Hoàng Thị Vinh                                                                                          | 18/01/1998            | Nữ        | Thái    | DTTS              | T.T. Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 34.6 | Nguyễn Thị Phương                                                                                       | 25/11/1994            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 34.7 | Lô Thị Biển                                                                                             | 08/05/1996            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Nậm Cười, Sin Hồ - Lai Châu          | Kiểm soát Thủ tục hành chính         | ĐH trở lên | Luật: Hành chính                  |                                                                                                                                                                                            | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |







| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                              |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                              |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                          | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển              | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 34.8  | Hàng A Tráng                                                                       | 16/01/1992          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Lềng, Tam Đường - Lai Châu        | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 34.9  | Hoàng Thu Hà                                                                       | 16/03/1994          | Nữ        | Nùng    | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu     | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.10 | Chang Thị Cha                                                                      | 20/11/1996          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu     | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.11 | Trịnh Minh Giang                                                                   | 01/04/1996          | Nữ        | Kinh    |                   | Đông Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 34.12 | Nguyễn Thị Phương                                                                  | 10/03/1988          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Hành chính học              |           |         |         |
| 34.13 | Phùng Thị Thủy Trang                                                               | 04/09/1998          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu    | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật kinh tế                |           |         |         |
| 34.14 | Tân Thị Dưa                                                                        | 05/10/1992          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Sùng Phái, TP Lai Châu, Lai Châu     | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.15 | Sùng A Sái                                                                         | 10/4/1993           | Nam       | Mông    | DTTS              | Mường Đùn, Tủa Chùa, Điện Biên       | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.16 | Vàng Thị Ngọc                                                                      | 28/5/1999           | Nữ        | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.17 | Giảng Thị Cưng                                                                     | 13/10/1996          | Nữ        | Mông    | DTTS              | San tháng, TP Lai Châu, Lai Châu     | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 34.18 | Hoàng Diệu Linh                                                                    | 04/9/1999           | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 34.19 | Lưu Văn Nghĩa                                                                      | 17/6/1997           | Nam       | Giáy    | DTTS              | Phúc Khoa, Tân Uyên, Lai Châu        | Kiểm soát Thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 35    | Vị trí việc làm: Tổ chức nhân sự - Phòng Hành chính - Tổ chức, Văn phòng UBND tỉnh |                     |           |         |                   |                                      |                              |            |                                   |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 35.1  | Lò Thị Trang Nhung                                                                 | 30/11/1997          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Tổ chức nhân sự              | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                             |                     |           |         |                   |                                         | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                         | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú          | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 35.2 | Bùi Quỳnh Trang                                                                   | 28/07/1998          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu       | Tổ chức nhân sự                      | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                        |               |         |         |
| 35.3 | Hoàng Trần Anh Minh                                                               | 04/12/1997          | Nam       | Kinh    |                   | Na Lay, TX Mường Lay - Điện Biên        | Tổ chức nhân sự                      | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                        |               |         |         |
| 35.4 | Lò Văn Trăn                                                                       | 28/09/1994          | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Sò, Tân Uyên - Lai Châu             | Tổ chức nhân sự                      | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                                                             |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS          |         |         |
| 35.5 | Phạm Như Quỳnh                                                                    | 17/11/1994          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu       | Tổ chức nhân sự                      | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                                                             |                                                 | ĐH                          | Luật                        | CC Tiếng Mông |         |         |
| 35.6 | Nguyễn Xuân Trường                                                                | 03/02/1997          | Nam       | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu      | Tổ chức nhân sự                      | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                                                             |                                                 | ĐH                          | Luật kinh tế                |               |         |         |
| 36   | Vị trí việc làm: Văn thư - Trung tâm Phục vụ hành chính công, Văn phòng UBND tỉnh |                     |           |         |                   |                                         |                                      |            |                                                                                              |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 36.1 | Phạm Thị Trà My                                                                   | 10/12/1993          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu       | Văn thư                              | ĐH trở lên | Văn thư, Lưu trữ; Hành chính                                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |               |         |         |
| 36.2 | Lò Văn Nguyên                                                                     | 25/8/1996           | Nam       | Thái    | DTTS              | Trung Đồng, Tân Uyên, Lai Châu          | Văn thư                              | ĐH trở lên | Văn thư, Lưu trữ; Hành chính                                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS          |         |         |
| 36.3 | Phạm Ngọc Mai                                                                     | 25/11/1997          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên, Lai Châu         | Văn thư                              | ĐH trở lên | Văn thư, Lưu trữ; Hành chính                                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |               |         |         |
| 37   | Vị trí việc làm: Quản lý nhân sự và đội ngũ - Phòng Tổ chức biên chế, Sở Nội vụ   |                     |           |         |                   |                                         |                                      |            |                                                                                              |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 37.1 | Bùi Nhật Anh                                                                      | 23/6/1994           | Nam       | Kinh    |                   | Thị trấn Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản trị nhân lực           |               |         |         |
| 37.2 | Lương Thị Hồng Nhung                                                              | 18/6/1995           | Nữ        | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu, Lai Châu       | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản trị nhân lực           |               |         |         |
| 37.3 | Vàng Văn Tin                                                                      | 27/11/1999          | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Cười, Sìn Hồ, Lai Châu              | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS          |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh |                       |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi             |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|-----------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|----------------------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày, tháng, năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ            | Tin học |         |
| 37.4  | Lương Thị Tâm         | 14/8/1995             | Nữ       | Thái    | DTTS              | Huy Tường, Phú Yên, Sơn La         | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS                 |         |         |
| 37.5  | Goàng Nữ Pư           | 01/7/1999             | Nữ       | Hà Nhi  | DTTS              | Thu Lũm, Mường Tè, Lai Châu        | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS                 |         |         |
| 37.6  | Tổng Thị Thanh Thắm   | 05/09/1998            | Nữ       | Thái    | DTTS              | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS                 |         |         |
| 37.7  | Lữ Văn Hữu            | 18/01/1995            | Nam      | Tày     | DTTS              | Vĩnh Quang, Bảo Lâm, Cao Bằng      | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS                 |         |         |
| 37.8  | Lai Mỹ Huyền          | 25/3/1996             | Nữ       | Kinh    |                   | Quyết Thắng, TP Lai Châu, Lai Châu | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | Chứng chỉ tiếng Mông |         |         |
| 37.9  | Lò Văn Thuận          | 21/02/1998            | Nam      | Khơ Mú  | DTTS              | TT Tân Uyên, Tân Uyên, Lai Châu    | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS                 |         |         |
| 37.10 | Lý Văn Thâm           | 12/12/1992            | Nam      | Tày     | DTTS              | Nghiên Loạn, Pắc Nám, Bắc Kạn      | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS                 |         |         |
| 37.11 | Thảo A Sớ             | 07/3/1998             | Nam      | Mông    | DTTS              | Mường Đum, Tủa Chùa, Điện Biên     | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | DTTS                 |         |         |
| 37.12 | Lò Thị Thanh Hà       | 14/01/1999            | Nữ       | Thái    | DTTS              | Hua Nà, Tân Uyên, Lai Châu         | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS                 |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh |            |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                            |            |                                                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|----------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển            | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 37.13 | Hàng A Giảng          | 21/9/1998  | Nam       | Mông    | DTTS              | Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Lai Châu     | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS          |         |         |
| 37.14 | Hoàng Thị Chiêm       | 04/12/1997 | Nữ        | Tày     | DTTS              | Xuân Giang, Quang Bình, Hà Giang     | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS          |         |         |
| 37.15 | Bùi Thị Thương        | 05/09/1997 | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu     | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      |               |         |         |
| 37.16 | Nghiêm Thái Huyền     | 04/9/1998  | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu      | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      |               |         |         |
| 37.17 | Phạm Hoàng Anh        | 10/02/1999 | Nữ        | Mường   | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu      | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS          |         |         |
| 37.18 | Lương Thị Diệp        | 24/10/1997 | Nữ        | Thái    | DTTS              | Đào San, Phong Thổ, Lai Châu         | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | DTTS          |         |         |
| 37.19 | Phùng Phạm Sư         | 18/12/1999 | Nam       | La Hủ   | DTTS              | Bum Tả, Mường Tè, Lai Châu           | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | DTTS          |         |         |
| 37.20 | Tổng Hoàng Dương      | 12/10/1999 | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  |               |         |         |
| 37.21 | Nguyễn Huyền Trang    | 27/7/1990  | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Quản lý nhân sự và đối ngũ | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | Thạc sĩ                     | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | CC Tiếng Mông |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh |                        |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày (tháng, năm) sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 37.22 | Giăng A Vàng          | 28/8/1998              | Nam       | Mông    | DTTS              | Ta Ma, Tuấn Giáo, Điện Biên       | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS          |         |         |
| 37.23 | Lý Văn Thắng          | 10/01/1999             | Nam       | Công    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu   | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS          |         |         |
| 37.24 | Phan Thị Đồng         | 19/11/1999             | Nữ        | Thái    | DTTS              | Chân Nưa, Sin Hồ, Lai Châu        | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS          |         |         |
| 37.25 | Nguyễn Ngọc Huyền     | 02/10/1998             | Nữ        | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước |               |         |         |
| 37.26 | Lê Thị Oanh           | 13/6/1995              | Nữ        | Kinh    |                   | Cát Quế, Hoài Đức, TP Hà Nội      | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | Thạc sĩ                     | Luật                                  |               |         |         |
| 37.27 | Thào Hà Páo           | 05/05/1998             | Nam       | Mông    | DTTS              | Tà Ngao, Sin Hồ - Lai Châu        | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                          | DTTS          |         |         |
| 37.28 | Chang A Chua          | 08/10/1997             | Nam       | Mông    | DTTS              | Pu Sam Cáp, Sin Hồ, Lai Châu      | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS          |         |         |
| 37.29 | Nguyễn Hữu Long       | 13/9/1994              | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ, Lai Châu       | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | CC Tiếng Mông |         |         |
| 37.30 | Châu A Địa            | 14/4/1998              | Nam       | Mông    | DTTS              | Đào San, Phong Thổ, Lai Châu      | Quản lý nhân sự và đội ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS          |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh |                      |          |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|----------------------|----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng, năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 37.31 | Pô Go Xứ              | 17/12/1997           | Nữ       | Hà nhĩ  | DTTS              | Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu     | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS      |         |         |
| 37.32 | Nguyễn Thủy Nga       | 10/6/1999            | Nữ       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  |           |         |         |
| 37.33 | Sùng A Văng           | 06/9/1997            | Nam      | Mông    | DTTS              | Xá Nhè, Tủa Chùa, Điện Biên       | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS      |         |         |
| 37.34 | Hầu Thị Sái           | 26/3/1995            | Nữ       | Mông    | DTTS              | Huổi Lêng, Mường chà, Điện Biên   | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | DTTS      |         |         |
| 37.35 | Sùng Thị Xá           | 16/3/1997            | Nữ       | Mông    | DTTS              | Sùng Phái, TP Lai Châu, Lai Châu  | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                      | DTTS      |         |         |
| 37.36 | Phan Thị Thu Hương    | 11/12/1998           | Nữ       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu   | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  |           |         |         |
| 37.37 | Lô Thị Thu Như        | 21/7/1998            | Nữ       | Thái    | DTTS              | Mường So, Phong Thổ, Lai Châu     | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS      |         |         |
| 37.38 | Vàng Thanh            | 07/02/1998           | Nam      | Mông    | DTTS              | Cao Sơn, Mường Khương, Lào Cai    | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                                  | DTTS      |         |         |
| 37.39 | Tân Tổng Mìn          | 10/10/1993           | Nam      | Dao     | DTTS              | TT Sìn Hồ, Sìn Hồ - Lai Châu      | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước | DTTS      |         |         |

| STT   | Thông tin về thí sinh                                                            |                       |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                   |                                                                                              |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                        | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ          | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                            | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 37.40 | Vàng Thị Yên                                                                     | 06/10/1996            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Pắc Ta, Tân Uyên, Lai Châu        | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên        | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 37.41 | Nguyễn Diệu Hương                                                                | 15/10/1998            | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên        | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 37.42 | Nguyễn Hoài Sương                                                                | 21/4/1992             | Nữ        | Kinh    |                   | Quỳnh Thuận, Quỳnh Lưu, Nghệ An   | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên        | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |           |         |         |
| 37.43 | Lô Văn Thương                                                                    | 11/5/1997             | Nam       | Thái    | DTTS              | Trung Đồng, Tân Uyên, Lai Châu    | Quản lý nhân sự và đối ngũ           | ĐH trở lên        | Hành chính; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước; Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước; Luật |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 38    | Vị trí việc làm: Công nghệ thông tin - Văn phòng Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch |                       |           |         |                   |                                   |                                      |                   |                                                                                              |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 38.1  | Trần Thị Chúc Linh                                                               | 08/3/1998             | Nữ        | Kinh    |                   | Gia Tường, Nho Quan, Ninh Bình    | Công nghệ thông tin                  | ĐH trở lên        | Công nghệ thông tin                                                                          |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin         |           | ĐH CNTT |         |
| 38.2  | Ma A Đà                                                                          | 20/01/1999            | Nam       | Mông    | DTTS              | Giang Ma, Tam Đường, Lai Châu     | Công nghệ thông tin                  | ĐH trở lên        | Công nghệ thông tin                                                                          |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin         | DTTS      | ĐH CNTT |         |
| 39    | Vị trí việc làm: Lưu trữ - Văn phòng HĐND-UBND huyện Nậm Nhùn                    |                       |           |         |                   |                                   |                                      |                   |                                                                                              |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 39.1  | Toàn Châu Pư                                                                     | 01/02/1995            | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Mù Ca, Mường Tè - Lai Châu        | Lưu trữ                              | Trung cấp trở lên | Văn thư, Lưu trữ                                                                             |                                                 | Trung cấp                   | Hành chính - Văn phòng      | DTTS      |         |         |
| 39.2  | Trần Thị Lan                                                                     | 24/7/1991             | Nữ        | Kinh    |                   | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn - Lai Châu  | Lưu trữ                              | Trung cấp trở lên | Văn thư, Lưu trữ                                                                             |                                                 | Trung cấp                   | Hành chính Văn thư          |           |         |         |
| 40    | Vị trí việc làm: Theo dõi công tác dân tộc - Phòng Dân tộc huyện Nậm Nhùn        |                       |           |         |                   |                                   |                                      |                   |                                                                                              |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 40.1  | Pờ Cổ Thơm                                                                       | 07/12/1995            | Nữ        | Sí la   | DTTS              | Kan Hồ, Mường Tè - Lai Châu       | Theo dõi công tác dân tộc            | ĐH trở lên        | Luật; Hành chính; Dân tộc học                                                                |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |





| Stt   | Thông tin về thí sinh |                      |          |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|----------------------|----------|---------|-------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng, năm Sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 41.1  | Lô Văn Đồng           | 12/10/1998           | Nam      | Thái    | DTTS              | Nậm Hắng, Nậm Nhùn - Lai Châu     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.2  | Lô Thị Ngân           | 15/06/1996           | Nữ       | Thái    | DTTS              | Na Lay, Mường Lay - Điện Biên     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.3  | Giảng A Thỉnh         | 08/04/1995           | Nam      | Mông    | DTTS              | Mường Tùng, Mường Chá - Điện Biên | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.4  | Lô Thị Diệp           | 02/09/1998           | Nữ       | Thái    | DTTS              | Nậm Hắng, Nậm Nhùn - Lai Châu     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.5  | Giảng Thị Súa         | 06/03/1998           | Nữ       | Mông    | DTTS              | TT Tủa Chùa, Tủa Chùa Điện Biên   | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.6  | Phùng Khử Che         | 05/06/1994           | Nam      | Hà nhĩ  | DTTS              | Ka Lăng, Mường Tè - Lai Châu      | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Quan lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 41.7  | Lô Văn Lộc            | 18/09/1989           | Nam      | Thái    | DTTS              | Nậm Hắng, Nậm Nhùn - Lai Châu     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                | DTTS      |         |         |
| 41.8  | Phảng A Chang         | 20/10/1998           | Nam      | Mông    | DTTS              | Na Cô Sa, Nậm Pồ, Điện Biên       | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.9  | Vừ A Vàng             | 15/6/1998            | Nam      | Mông    | DTTS              | Sín Chải, Tủa Chùa, Điện Biên     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.10 | Chín Văn Lý           | 08/10/1996           | Nam      | Thái    | DTTS              | Bum Nưa, Mường Tè, Lai Châu       | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.11 | Lô Lô Nu              | 15/6/1997            | Nữ       | Hà nhĩ  | DTTS              | Vàng San, Mường Tè, Lai Châu      | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.12 | Lú Văn Huy            | 02/01/1996           | Nam      | Thái    | DTTS              | Nậm Hắng, Nậm Nhùn, Lai Châu      | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                      |                     |           |         |                                                                       |                                  | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                                       |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-----------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                  | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên                                                     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú   | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                     | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 41.13 | Vừ A Tủa                                                                                   | 12/6/1994           | Nam       | Mông    | DTTS                                                                  | Mường Bàng, Tòa Chùa, Điện Biên  | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.14 | Lý Cà Hừ                                                                                   | 20/03/1996          | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS                                                                  | Ka Lăng, Mường Tè - Lai Châu     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.15 | Giảng A Ba                                                                                 | 15/3/1997           | Nam       | Mông    | DTTS                                                                  | Làng Mỏ, Sin Hồ, Lai Châu        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                      |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                | DTTS      |         |         |
| 41.16 | Lò Thị Hồng Vân                                                                            | 02/9/1998           | Nữ        | Thái    | DTTS                                                                  | Mường Mít, Than Uyên, Lai Châu   | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 41.17 | Lương Thị Hồng Linh                                                                        | 08/6/1998           | Nữ        | Thái    | DTTS                                                                  | Lê Lợi, Nậm Nhùn, Lai Châu       | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Luật; Hành chính                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 42    | Vị trí việc làm: Quản lý tài chính - ngân sách - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Nậm Nhùn |                     |           |         |                                                                       |                                  |                                         |            |                                                       |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 42.1  | Bùi Thị Hồng Thắm                                                                          | 21/05/1990          | Nữ        | Kinh    |                                                                       | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn, Lai Châu  | Quản lý tài chính - ngân sách           | ĐH trở lên | Tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Quản lý tài chính công |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 42.2  | Nguyễn Thu Ngoan                                                                           | 05/08/1990          | Nữ        | Kinh    |                                                                       | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu | Quản lý tài chính - ngân sách           | ĐH trở lên | Tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Quản lý tài chính công |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 42.3  | Lò Thị Hào                                                                                 | 04/08/1994          | Nữ        | Thái    | DTTS                                                                  | Na Lay, Mường Lay - Điện Biên    | Quản lý tài chính - ngân sách           | ĐH trở lên | Tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Quản lý tài chính công |                                                 | ĐH                          | Tài chính - Ngân hàng       | DTTS      |         |         |
| 42.4  | Bùi Thu Hương                                                                              | 27/04/1992          | Nữ        | Kinh    |                                                                       | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu  | Quản lý tài chính - ngân sách           | ĐH trở lên | Tài chính; Kế toán; Kiểm toán; Quản lý tài chính công |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 43    | Vị trí việc làm: Quản lý đất đai - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Nậm Nhùn           |                     |           |         |                                                                       |                                  |                                         |            |                                                       |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 43.1  | Giảng A Chính                                                                              | 05/07/1997          | Nam       | Mông    | DTTS con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | Tả Tông, Mường Tè - Lai Châu     | Quản lý đất đai                         | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                   |                     |           |         |                                   |                                       | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                       |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                  | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-----------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                               | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên                 | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú        | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                     | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 43.2 | Lũ Tuyết Nhung                                                          | 23/09/1996          | Nữ        | Thái    | DTTS                              | Mường Mỏ, Năm Nhùn - Lai Châu         | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS      |         |         |
| 43.3 | Vũ Ngọc Hiền                                                            | 10/08/1994          | Nam       | Kinh    |                                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai châu     | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  |           |         |         |
| 43.4 | Tổng Thị Uyên                                                           | 17/05/1997          | Nữ        | Thái    | DTTS                              | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu      | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên và môi trường | DTTS      |         |         |
| 43.5 | Phảng A Tiến                                                            | 30/12/1995          | Nam       | Mông    | DTTS                              | Đào San, Phong Thổ, Lai Châu          | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS      |         |         |
| 43.6 | Thảo A Địa                                                              | 01/5/1998           | Nam       | Mông    | DTTS                              | Hồng Thu, Sin Hồ, Lai Châu            | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên và môi trường | DTTS      |         |         |
| 43.7 | Chu Xê Chừ                                                              | 30/4/1991           | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS                              | Thị trấn Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chính; Quản lý đất đai; Trắc địa                                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS      |         |         |
| 44   | Vị trí việc làm: Quản lý thủy lợi, Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Năm Nhùn |                     |           |         |                                   |                                       |                                      |            |                                                                       |                                                 |                             |                                  |           |         |         |
| 44.1 | Giảng Mĩ Tổ                                                             | 03/07/1989          | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS                              | Huổi Luông, Phong Thổ - Lai Châu      | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi; Xây dựng thủy lợi - thủy điện; Kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Quản lý hệ thống thủy lợi        | DTTS      |         |         |
| 44.2 | Thảo A Vả                                                               | 03/10/1994          | Nam       | Mông    | DTTS                              | Pa Tân, Sin Hồ - Lai Châu             | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi; Xây dựng thủy lợi - thủy điện; Kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật cơ sở Hạ tầng           | DTTS      |         |         |
| 44.3 | Lê Sỹ Hoan                                                              | 10/08/1982          | Nam       | Kinh    | Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự | TT Năm Nhùn, Năm Nhùn - Lai Châu      | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi; Xây dựng thủy lợi - thủy điện; Kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Xây dựng công trình              |           |         |         |
| 45   | Vị trí việc làm: Kế toán - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Năm Nhùn     |                     |           |         |                                   |                                       |                                      |            |                                                                       |                                                 |                             |                                  |           |         |         |
| 45.1 | Đặng Thị Trang                                                          | 17/10/1990          | Nữ        | Kinh    |                                   | Hợp Thành, Mỹ Đức, TP Hà Nội          | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán, Kiểm toán                                         |                                                 | ĐH                          | Kế toán                          |           |         |         |



| STT  | Thông tin về thí sinh                                                                        |                     |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                             |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                    | Ngày tháng năm Sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                           | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 45.2 | Trần Thủy Hồng                                                                               | 16/4/1991           | Nữ        | Kinh    |                   | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn, Lai Châu   | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán, Kiểm toán                               |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 46   | Vị trí việc làm: Quản lý giáo dục Trung học cơ sở - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Nậm Nhùn |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                                             |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 46.1 | Triệu Duy Phú                                                                                | 15/02/1991          | Nam       | Dao     | DTTS              | Vàng Ma Chải, Phong Thổ, Lai Châu | Quản lý giáo dục Trung học cơ sở     | ĐH trở lên | Quản lý giáo dục, Sư phạm các môn thuộc bậc trung học cơ sở |                                                 | ĐH                          | Giáo dục thể chất           | DTTS      |         |         |
| 46.2 | Vàng Thị Dũng                                                                                | 15/9/1995           | Nữ        | Giáy    | DTTS              | Đồng Phong, TP Lai Châu, Lai Châu | Quản lý giáo dục Trung học cơ sở     | ĐH trở lên | Quản lý giáo dục, Sư phạm các môn thuộc bậc trung học cơ sở |                                                 | ĐH                          | Quản lý giáo dục            | DTTS      |         |         |
| 46.3 | Vũ Thị Oanh                                                                                  | 13/4/1993           | Nữ        | Kinh    |                   | Đồng Phong, TP Lai Châu, Lai Châu | Quản lý giáo dục Trung học cơ sở     | ĐH trở lên | Quản lý giáo dục, Sư phạm các môn thuộc bậc trung học cơ sở |                                                 | ĐH                          | Sư phạm hóa học             |           |         |         |
| 46.4 | Sùng A Dơ                                                                                    | 13/4/1992           | Nam       | Mông    | DTTS              | Làng Mò, Sìn Hồ, Lai Châu         | Quản lý giáo dục Trung học cơ sở     | ĐH trở lên | Quản lý giáo dục, Sư phạm các môn thuộc bậc trung học cơ sở |                                                 | ĐH                          | Giáo dục chính trị          | DTTS      |         |         |
| 47   | Vị trí việc làm: Kế toán, Văn phòng HDND-UBND huyện Tam Đường                                |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                                             |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 47.1 | Đặng Thị Quỳnh                                                                               | 20/06/1996          | Nữ        | Kinh    |                   | Yên Thắng, Yên Mô - Ninh Bình     | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                                          |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 47.2 | Nguyễn Phương Thao                                                                           | 04/3/1990           | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu   | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                                          |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 47.3 | Hoàng Phi Hùng                                                                               | 06/8/1997           | Nam       | Kinh    |                   | Giang Ma, Tam Đường, Lai Châu     | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                                          |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 47.4 | Nguyễn Thị Thanh Nhung                                                                       | 09/02/1998          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                                          |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 48   | Vị trí việc làm: Kế toán - Phòng Nội vụ huyện Tam Đường                                      |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                                             |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 48.1 | Sin Thị Châm                                                                                 | 18/08/1995          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Pa Tần, Sìn Hồ - Lai Châu         | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                                          |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | DTTS      |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                     |                     |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                 | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 48.2 | Bùi Phương Thảo                                                                           | 01/05/1998          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu      | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tải chính, Kế toán                |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |
| 48.3 | Lý Trúy Nhà                                                                               | 19/05/1997          | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS              | Thu Lũm, Mường tè - Lai Châu      | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tải chính, Kế toán                |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | DTTS      |         |         |
| 49   | Vị trí việc làm: Cải cách hành chính - Phòng Nội vụ huyện Tam Đường                       |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 49.1 | Lô Văn Đường                                                                              | 05/06/1998          | Nam       | Thái    | DTTS              | Bình Lư, Tam Đường, Lai Châu      | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 49.2 | Nùng Thị Ánh                                                                              | 09/09/1996          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Mường Cang, Than Uyên - Lai Châu  | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 49.3 | Dương Thị Văn Anh                                                                         | 05/03/1998          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Mường Mít, Than Uyên - Lai Châu   | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 49.4 | Nguyễn Văn Đại                                                                            | 20/06/1997          | Nam       | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                |           |         |         |
| 49.5 | Lý A Ca                                                                                   | 08/06/1994          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Lềng, Tam Đường - Lai Châu     | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 49.6 | Hà Văn Quang                                                                              | 12/10/1995          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Kim, Than Uyên - Lai Châu   | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 49.7 | Tân Phong Máy                                                                             | 09/10/1997          | Nữ        | Dao     | DTTS              | TT Tam Đường, Tam Đường, Lai Châu | Cải cách hành chính                  | ĐH trở lên | Hành chính, Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 50   | Vị trí việc làm: Quản lý tài chính ngân sách - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Tam Đường |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 50.1 | Nguyễn Thị Luyến                                                                          | 26/03/1993          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý tài chính ngân sách          | ĐH trở lên | Tải chính, Kế toán, Kiểm toán     |                                                 | ĐH                          | Tài chính - Ngân hàng       |           |         |         |
| 50.2 | Bùi Tuấn Linh                                                                             | 24/09/1990          | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu      | Quản lý tài chính ngân sách          | ĐH trở lên | Tải chính, Kế toán, Kiểm toán     |                                                 | ĐH                          | Tài Chính                   |           |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                         |                     |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                      |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                       | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|--------------------------------------|------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                     | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                    | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo           | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 50.3 | Vũ Đức Duyên                                                                                  | 19/05/1989          | Nam       | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu  | Quản lý tài chính ngân sách          | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán, Kiểm toán                                                        |                                                 | ĐH                          | Kế toán                               |               |         |         |
| 50.4 | Phạm Thị Hiền                                                                                 | 06/06/1987          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu  | Quản lý tài chính ngân sách          | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán, Kiểm toán                                                        |                                                 | ĐH                          | Kế toán                               | CC Tiếng Mông |         |         |
| 50.5 | Đặng Thanh Trúc                                                                               | 06/11/1999          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu  | Quản lý tài chính ngân sách          | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán, Kiểm toán                                                        |                                                 | ĐH                          | Tài chính - Ngân hàng                 |               |         |         |
| 51   | Vị trí việc làm: Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở - Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Tam Đường  |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                                                                      |                                                 |                             |                                       |               |         |         |
| 51.1 | Chang A Hạc                                                                                   | 10/04/1995          | Nam       | Dao     | DTTS              | Căn Co, Sin Hồ - Lai Châu         | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở      | ĐH trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Quản lý văn hóa                       | DTTS          |         |         |
| 51.2 | Lô Thị Thuận                                                                                  | 10/09/1997          | Nữ        | Thai    | DTTS              | Mường Mỗ, Năm Nhùn - Lai Châu     | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở      | ĐH trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Quản lý Văn hóa                       | DTTS          |         |         |
| 51.3 | Phảng Thị Dơ                                                                                  | 26/06/1996          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Sùng Phải, TP Lai Châu - Lai Châu | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở      | ĐH trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | DTTS          |         |         |
| 51.4 | Tân Mỹ Chấn                                                                                   | 28/10/1996          | Nữ        | Dao     | DTTS              | Phảng Sô Lín, Sin Hồ - Lai Châu   | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở      | ĐH trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam | DTTS          |         |         |
| 51.5 | Tân Chiêu Máy                                                                                 | 16/09/1996          | Nữ        | Dao     | DTTS              | Làng Mỗ, Sin Hồ - Lai Châu        | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở      | ĐH trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Quản lý văn hóa                       | DTTS          |         |         |
| 51.6 | Sản Thị Thảo                                                                                  | 12/6/1996           | Nữ        | Giáy    | DTTS              | Năm Xe, Phong Thổ, Lai Châu       | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở      | ĐH trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Quản lý văn hóa                       | DTTS          |         |         |
| 52   | Vị trí việc làm: Quản lý thủy lợi - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Tam Đường |                     |           |         |                   |                                   |                                      |            |                                                                                      |                                                 |                             |                                       |               |         |         |
| 52.1 | Lô Văn Thum                                                                                   | 04/04/1991          | Nam       | Lào     | DTTS              | Mường Khoa, Tân Uyên - Lai Châu   | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi, Xây dựng thủy lợi - thủy điện, kỹ thuật công trình thủy lợi                |                                                 | ĐH                          | Quy hoạch hệ thống thủy lợi           | DTTS          |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                             |                     |           |         |                   |                                          | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                       |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                          | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                         | Ngày đăng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú           | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                     | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo              | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 52.2 | Ma Lữ                                                                             | 03/08/1994          | Nam       | Mông    | DTTS              | Cao Sơn, Mường Khương - Lào Cai          | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi, Xây dựng thủy lợi - thủy điện, kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật thủy điện và năng lượng tái tạo | DTTS      |         |         |
| 52.3 | Nguyễn Anh Quý                                                                    | 10/10/1995          | Nam       | Kinh    |                   | Quyết Tiến, TP Lai Châu - Lai Châu       | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi, Xây dựng thủy lợi - thủy điện, kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật hạ tầng và Phát triển Nông thôn |           |         |         |
| 52.4 | Trần Quang Anh                                                                    | 26/04/1989          | Nam       | Kinh    |                   | Quảng Hợp, Quảng Xương - Thanh Hóa       | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi, Xây dựng thủy lợi - thủy điện, kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình                      |           |         |         |
| 52.5 | Đoàn Minh Tiến                                                                    | 30/5/1990           | Nam       | Kinh    |                   | Mường Thanh, TP Điện Biên Phủ, Điện Biên | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi, Xây dựng thủy lợi - thủy điện, kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | ĐH Công nghệ xây dựng công trình thủy    |           |         |         |
|      |                                                                                   |                     |           |         |                   |                                          |                                      |            |                                                                       |                                                 | Thạc sĩ                     | Quản lý xây dựng                         |           |         |         |
| 52.6 | Nguyễn Tùng Lâm                                                                   | 15/6/1998           | Nam       | Kinh    |                   | TT Tam Đường, Tam Đường, Lai Châu        | Quản lý thủy lợi                     | ĐH trở lên | Thủy lợi, Xây dựng thủy lợi - thủy điện, kỹ thuật công trình thủy lợi |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật xây dựng              |           |         |         |
| 53   | Vị trí việc làm: Quản lý xây dựng - Phòng Kinh tế - Hạ tầng huyện Tam Đường       |                     |           |         |                   |                                          |                                      |            |                                                                       |                                                 |                             |                                          |           |         |         |
| 53.1 | Lô Văn Thanh                                                                      | 20/05/1993          | Nam       | Thái    | DTTS              | Phúc Thạn, Than Uyên - Lai Châu          | Quản lý xây dựng                     | ĐH trở lên | Xây dựng, kiến trúc                                                   |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật Công trình xây dựng             | DTTS      |         |         |
| 53.2 | Sùng A Dao                                                                        | 04/03/1990          | Nam       | Mông    | DTTS              | Sùng Phái, TP Lai Châu - Lai Châu        | Quản lý xây dựng                     | ĐH trở lên | Xây dựng, kiến trúc                                                   |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật Công trình xây dựng             | DTTS      |         |         |
| 53.3 | Nguyễn Văn Mạnh                                                                   | 23/06/1990          | Nam       | Kinh    |                   | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn - Lai Châu         | Quản lý xây dựng                     | ĐH trở lên | Xây dựng, kiến trúc                                                   |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật xây dựng              |           |         |         |
| 53.4 | Nguyễn Duy Hoàng                                                                  | 10/5/1993           | Nam       | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu        | Quản lý xây dựng                     | ĐH trở lên | Xây dựng, kiến trúc                                                   |                                                 | ĐH                          | Kiến trúc                                |           |         |         |
| 54   | Vị trí việc làm: Quản lý đất đai - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tam Đường |                     |           |         |                   |                                          |                                      |            |                                                                       |                                                 |                             |                                          |           |         |         |
| 54.1 | Tần A Hạc                                                                         | 15/05/1997          | Nam       | Dao     | DTTS              | Căn Co, Sin Hồ - Lai Châu                | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa                                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                          | DTTS      |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                |                     |        |         |                   |                                     | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                     |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|----------------------------------------------------------------------|---------------------|--------|---------|-------------------|-------------------------------------|--------------------------------------|------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                            | Ngày tháng năm sinh | Có mặt | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú      | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển   | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 54.2  | Nguyễn Thế Thắng                                                     | 29/10/1991          | Nam    | Kinh    |                   | Vũ Chính, TP Thái Bình - Thái Bình  | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật Trắc địa - bản đồ  |           |         |         |
| 54.3  | Sùng Thị Mai                                                         | 12/06/1997          | Nữ     | Mông    | DTTS              | Đào San, Phong Thổ - Lai Châu       | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |
| 54.4  | Vương Văn Dương                                                      | 09/11/1985          | Nam    | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu   | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật địa chất           |           |         |         |
| 54.5  | Trương Việt Hằng                                                     | 22/12/1998          | Nam    | Kinh    |                   | TT Tam Đường, Tam Đường - Lai Châu  | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             |           |         |         |
| 54.6  | Đồng Diệu Hồng                                                       | 19/09/1995          | Nữ     | Thái    | DTTS              | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu  | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |
| 54.7  | Lô Đại Nghĩa                                                         | 06/09/1997          | Nam    | Thái    | DTTS              | Đồng Phong, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |
| 54.8  | Nguyễn Đức Thịnh                                                     | 08/06/1983          | Nam    | Kinh    |                   | Cẩm Ninh, Ân Thi - Hưng Yên         | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật trắc địa bản đồ    |           |         |         |
| 54.9  | Lô Văn Sam                                                           | 06/07/1991          | Nam    | Lào     | DTTS              | Mường Khoa, Tân Uyên - Lai Châu     | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |
| 54.10 | Vàng Văn Minh                                                        | 20/03/1993          | Nam    | Thái    | DTTS              | Thân Thuộc, Tân Uyên - Lai Châu     | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             | DTTS      |         |         |
| 54.11 | Nguyễn Văn Bình                                                      | 27/4/1997           | Nam    | Kinh    |                   | Yên Dương, Cẩm Khê, Phú Thọ         | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai             |           |         |         |
| 54.12 | Bùi Văn Viễn                                                         | 24/6/1990           | Nam    | Kinh    |                   | TT Trâu Quỳ, Gia Lâm, TP Hà Nội     | Quản lý đất đai                      | ĐH trở lên | Địa chất; Quản lý đất đai; Trắc địa |                                                 | Thạc sĩ                     | Quản lý đất đai             |           |         |         |
| 55    | Vị trí việc làm: Kế toán - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Đường |                     |        |         |                   |                                     |                                      |            |                                     |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 55.1  | Chu Thị Hương                                                        | 15/11/1992          | Nữ     | Tày     | DTTS              | Quyết Thắng, TP Lai Châu - Lai Châu | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                  |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | DTTS      |         |         |
| 55.2  | Phạm Xuân Hải Thoại                                                  | 10/10/1992          | Nam    | Kinh    |                   | Noong Bua, Tp Điện Biên, Điện Biên  | Kế toán                              | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                  |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     |           |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                     |                       |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                             |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                  | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|-----------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                                 | Ngày sinh (tháng/năm) | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                           | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 56   | Vị trí việc làm: Quản lý công chức, viên chức - Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tam Đường |                       |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                                                                             |                                                 |                             |                                  |           |         |         |
| 56.1 | Lý Chử De                                                                                 | 26/03/1996            | Nữ       | Hà nhĩ  | DTTS              | Pắc Ma, Mường Tè - Lai Châu        | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                 | DTTS      |         |         |
| 56.2 | Hoàng Thị Huyền Trang                                                                     | 27/10/1998            | Nữ       | Tày     | DTTS              | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                 | DTTS      |         |         |
| 56.3 | Nông Thị Đường                                                                            | 08/12/1998            | Nữ       | Giáy    | DTTS              | Bản Giang, Tam Đường - Lai Châu    | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS      |         |         |
| 56.4 | Trần Thị Khánh Hà                                                                         | 11/05/1997            | Nữ       | Kinh    |                   | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu  | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Quản trị Nhân lực                |           |         |         |
| 56.5 | Lô Thị Hà                                                                                 | 24/8/1997             | Nữ       | Thái    | DTTS              | Phước Than, Than Uyên, Lai Châu    | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS      |         |         |
| 56.6 | Giàng Thị Nguyên                                                                          | 09/07/1997            | Nữ       | Giáy    | DTTS              | Hồ Thầu, Tam Đường - Lai Châu      | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS      |         |         |
| 56.7 | Lê Thị Huệ                                                                                | 26/8/1997             | Nữ       | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên, Lai Châu    | Quản lý công chức, viên chức         | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Quản lý nhân sự, Quản lý nguồn nhân lực                                   |                                                 | ĐH                          | Quản lý tổ chức và nhân sự       |           |         |         |
| 57   | Vị trí việc làm: Thanh tra - Thanh tra huyện Tam Đường                                    |                       |          |         |                   |                                    |                                      |            |                                                                                             |                                                 |                             |                                  |           |         |         |
| 57.1 | Nguyễn Thị Kiều Oanh                                                                      | 14/09/1993            | Nữ       | Kinh    |                   | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu  | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Nông nghiệp                      |           |         |         |
| 57.2 | Nguyễn Long An                                                                            | 15/08/1988            | Nam      | Kinh    |                   | TT Tam Đường, Tam Đường - Lai Châu | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Kinh tế tài nguyên và Môi trường |           |         |         |
| 57.3 | Lô Văn Diên                                                                               | 19/03/1997            | Nam      | Thái    | DTTS              | Noong Hèo, Sin Hồ - Lai Châu       | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước                 | DTTS      |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh  |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                                                                             |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                           | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 57.4  | Nguyễn Thảo Phương     | 05/12/1997          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 57.5  | Giăng Thị Pài Sao      | 18/02/1994          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Sùn Phái, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Khuyến Nông                 | DTTS      |         |         |
| 57.6  | Điền Hồng Thái         | 18/11/1995          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Nậm Hàng, Nậm Nhùn - Lai Châu      | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Phát triển nông thôn        | DTTS      |         |         |
| 57.7  | Nguyễn thị Hương Giang | 19/06/1996          | Nữ        | Kinh    |                   | Trung Đông, Tân Uyên - Lai Châu    | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            |           |         |         |
| 57.8  | Chang A Cầu            | 02/09/1997          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Tông, Mường Tè - Lai Châu       | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 57.9  | Nguyễn Thị Huệ         | 06/07/1994          | Nữ        | Kinh    |                   | Đông Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Nông nghiệp                 |           |         |         |
| 57.10 | Lê Hồng Quyền          | 22/09/1998          | Nam       | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Chăn nuôi thú Y             |           |         |         |
| 57.11 | Quảng Văn Đe           | 20/10/1995          | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Cuối, Sìn Hồ - Lai Châu        | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Phát triển Nông thôn        | DTTS      |         |         |
| 57.12 | Hạng Mạnh Hùng         | 10/01/1995          | Nam       | Mông    | DTTS              | Pa Sam Cáp, Sìn Hồ - Lai Châu      | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp         | DTTS      |         |         |
| 57.13 | Lô Văn Vượng           | 14/11/1996          | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Than, Than Uyên - Lai Châu   | Thanh tra                            | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Kinh tế, Tài chính, Nông nghiệp, Xây dựng, Kiến trúc, Giao thông vận tải. |                                                 | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp         | DTTS      |         |         |

[illegible]



| Stt   | Thông tin về thí sinh |                     |          |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|---------------------|----------|---------|-------------------|------------------------------------|-----------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 58.1  | Vàng Thị Địa          | 07/11/1991          | Nữ       | Mông    | DTTS              | Đào Sơn, Phong Thổ, Lai Châu       | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.2  | Nguyễn Thảo Phương    | 03/12/1997          | Nữ       | Kinh    |                   | TT Tam Đường, Tam Đường - Lai Châu | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 58.3  | Tân A Goong           | 09/02/1997          | Nam      | Dao     | DTTS              | Hồ Thầu, Tam Đường - Lai Châu      | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.4  | Sùng A La             | 21/04/1998          | Nam      | Mông    | DTTS              | Giang Ma, Tam Đường - Lai Châu     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 58.5  | Lô Thị Quy            | 15/07/1996          | Nữ       | Thái    | DTTS              | Mường Kim, Than Uyên - Lai Châu    | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.6  | Nguyễn Thị Thao       | 28/10/1997          | Nữ       | Kinh    |                   | TT Tam Đường, Tam Đường - Lai Châu | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 58.7  | Lô Thị Vui            | 24/11/1998          | Nữ       | Thái    | DTTS              | Pắc Ta, Tân Uyên, Lai Châu         | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.8  | Sùng A Hạng           | 03/6/1996           | Nam      | Mông    | DTTS              | Tủa Thàng, Tủa Chùa, Điện Biên     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.9  | Hồ Thị Tinh           | 03/4/1999           | Nữ       | Mông    | DTTS              | Huổi Lêng, Mường Chà, Điện Biên    | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.10 | Vừ A Chá              | 06/01/1998          | Nam      | Mông    | DTTS              | Pá Lông, Thuận Châu, Sơn La        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.11 | Lô Thị Lược           | 14/9/1997           | Nữ       | Lao     | DTTS              | Bản Bo, Tam Đường, Lai Châu        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.12 | Lương Thị Liên        | 12/12/1994          | Nữ       | Thái    | DTTS              | Mường Giàng, Quỳnh Nhai, Sơn La    | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.13 | Nguyễn Thị Hương Lan  | 14/9/1997           | Nữ       | Mường   | DTTS              | Lương Sơn, Yên Lập, Phú Thọ        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                  |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                                        |                     |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                                       |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|-----------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                                    | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                     | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 58.14 | Vừ A Phòng                                                                                                   | 06/10/1998          | Nam       | Mông    | DTTS              | Mường Bàng, Tủa Chùa, Điện Biên   | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.15 | Pô Pô Mế                                                                                                     | 10/04/1996          | Nữ        | Hà nhi  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè - Lai Châu        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 58.16 | Giàng A Nguyễn                                                                                               | 08/3/1999           | Nam       | Mông    | DTTS              | Sính Phình, Tủa Chùa, Điện Biên   | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH trở lên | Hành chính; Luật                                      |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 59    | Vị trí việc làm: Thực hiện chính sách người có công - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Tam Đường |                     |           |         |                   |                                   |                                         |            |                                                       |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 59.1  | Hoàng Thị Hip                                                                                                | 02/04/1997          | Nữ        | Dao     | DTTS              | Nậm Tăm, Sing Hồ - Lai Châu       | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 59.2  | Nùng Thị Tiến                                                                                                | 01/03/1996          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Bản Bò, Tam Đường - Lai Châu      | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.3  | Sùng Thị Vi                                                                                                  | 05/06/1997          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Lao Chải, Mù Cang Chải - Yên Bái  | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.4  | Lò A Công                                                                                                    | 01/04/1996          | Nam       | Mảng    | DTTS              | Vàng San, Mường Tè - Lai Châu     | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.5  | Nguyễn Thị Thu Hiền                                                                                          | 28/07/1995          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             |           |         |         |
| 59.6  | Vàng Thị Quyền                                                                                               | 06/10/1996          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Hua Nà, Tân Uyên - Lai Châu       | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.7  | Vũ Thị Hương                                                                                                 | 14/03/1997          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu  | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             |           |         |         |
| 59.8  | Ngô Thị Bình                                                                                                 | 07/10/1997          | Nữ        | Mông    | DTTS              | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.9  | Lý Đức Minh                                                                                                  | 01/03/1996          | Nam       | Hà nhi  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè - Lai Châu        | Thực hiện chính sách người có công      | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Khoa học Quản lý            | DTTS      |         |         |





| Stt   | Thông tin về thí sinh |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                                    |            |                                                       |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                                | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển                    | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                     | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo                    | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 59.10 | Đỗ Hà Thu             | 11/11/1996          | Nữ        | Kinh    |                   | Tân Phong, TP Lai Châu - Lai Châu    | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | CC Tiếng Mông |         |         |
| 59.11 | Lò Thị Banh           | 10/06/1998          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Mường Kim, Tân Uyên - Lai Châu       | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.12 | Tân Yêu Mây           | 21/11/1996          | Nữ        | Dao     | DTTS              | Phảng Sô Lin, Sin Hồ - Lai Châu      | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.13 | Hoàng Văn Chải        | 20/05/1996          | Nam       | Khơ mú  | DTTS              | Trung Đồng, Tân Uyên - Lai Châu      | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.14 | Vừ A Dơ               | 08/09/1992          | Nam       | Mông    | DTTS              | Sùng Phái, TP Lai Châu - Lai Châu    | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.15 | Hoàng Thị Chơi        | 23/11/1996          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Mường Khoa, Tân Uyên - Lai Châu      | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.16 | Lò Thị Thên           | 09/11/1998          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Phúc Than, Tân Uyên, Lai Châu        | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.17 | Hoàng Thị Liên        | 23/02/1992          | Nữ        | Tày     | DTTS              | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu     | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Quản lý các vấn đề xã hội và chính sách xã hội | DTTS          |         |         |
| 59.18 | Cừ Thị Di             | 24/10/1998          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Phúc Than, Tân Uyên, Lai Châu        | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.19 | Lý Kỳ Nu              | 01/7/1999           | Nữ        | Hà nhi  | DTTS              | Ka Lăng, Mường Tè - Lai Châu         | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | DTTS          |         |         |
| 59.20 | Vũ Thị Nhung          | 27/5/1986           | Nữ        | Kinh    |                   | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu     | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                |               |         |         |
| 59.21 | Hỡ A Sang             | 13/11/1997          | Nam       | Mông    | DTTS              | Huổi Mí, Mường Chà, Điện Biên        | Thực hiện chính sách người có công | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội                                | DTTS          |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                                                 |                       |           |         |                   |                                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển           |            |                                                       |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                                             | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú    | Vị trí dự tuyển                                | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                     | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 59.22 | Nông Thị Diệp                                                                                                         | 04/12/1996            | Nữ        | Giáy    | DTTS              | San Thàng, TP Lai Châu - Lai Châu | Thực hiện chính sách người có công             | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Khoa học Quản lý            | DTTS      |         |         |
| 59.23 | Đào Thị Tâm                                                                                                           | 20/11/1992            | Nữ        | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu   | Thực hiện chính sách người có công             | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.24 | Phan Thị Kiều                                                                                                         | 27/02/1996            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Bán Giang, Tam Đường - Lai Châu   | Thực hiện chính sách người có công             | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.25 | Mã Thị Di                                                                                                             | 30/3/1997             | Nữ        | Mông    | DTTS              | Tà Lèng, Tam Đường - Lai Châu     | Thực hiện chính sách người có công             | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước            | DTTS      |         |         |
| 59.26 | Lý Thị Dung                                                                                                           | 11/3/1990             | Nữ        | Thái    | DTTS              | Bum Nưa, Mường Tè, Lai Châu       | Thực hiện chính sách người có công             | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 59.27 | Vàng Thị Lê                                                                                                           | 24/5/1997             | Nữ        | Thái    | DTTS              | Bán Giang, Tam Đường - Lai Châu   | Thực hiện chính sách người có công             | ĐH trở lên | Hành chính, Luật, Công tác xã hội, Quản lý chính sách |                                                 | ĐH                          | Công tác Xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60    | Vị trí việc làm: Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội - Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Sin Hồ |                       |           |         |                   |                                   |                                                |            |                                                       |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 60.1  | Hoàng Thị Hiền                                                                                                        | 11/07/1997            | Nữ        | Thái    | DTTS              | Hua Nà, Than Uyên - Lai Châu      | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trở lên | Công tác xã hội                                       |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.2  | Liều A Già                                                                                                            | 09/10/1992            | Nam       | Mông    | DTTS              | Huổi Luông, Phong Thổ - Lai Châu  | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trở lên | Công tác xã hội                                       |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.3  | Lý Thị Hương                                                                                                          | 08/09/1988            | Nữ        | Kinh    |                   | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn - Lai Châu  | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trở lên | Công tác xã hội                                       |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             |           |         |         |
| 60.4  | Tân Mi Hoàn                                                                                                           | 03/03/1998            | Nữ        | Dao     | DTTS              | Tà Phìn, Sin Hồ - Lai Châu        | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trở lên | Công tác xã hội                                       |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.5  | Sinh A Túc                                                                                                            | 06/10/1995            | Nam       | Mông    | DTTS              | Tà ngáo, Sin Hồ - Lai Châu        | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trở lên | Công tác xã hội                                       |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |





| Stt   | Thông tin về thí sinh |            |           |         |                   |                                 | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển           |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|------------|-----------|---------|-------------------|---------------------------------|------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày sinh  | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú  | Vị trí dự tuyển                                | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 60.6  | Lô Văn Toàn           | 22/06/1995 | Nam       | Thái    | DTTS              | Năm Cuối, Sin Hồ - Lai Châu     | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.7  | Chu Pô Tư             | 09/01/1995 | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè - Lai Châu      | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.8  | Tân Mỹ Chải           | 28/08/1997 | Nữ        | Dao     | DTTS              | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu    | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.9  | Chèo Thị Xuân         | 18/08/1996 | Nữ        | Dao     | DTTS              | Phảng Sô Lin, Sin Hồ - Lai Châu | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.10 | Lý Lý Pừ              | 20/09/1997 | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Ka Lãng, Mường Tè - Lai Châu    | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.11 | Lý Phi Xa             | 15/04/1998 | Nữ        | La hủ   | DTTS              | Bum Tờ, Mường Tè - Lai Châu     | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.12 | Lữ Thị Lương          | 20/08/1997 | Nữ        | Thái    | DTTS              | Năm Cuối, Sin Hồ - Lai Châu     | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.13 | Phìn Thị Thoát        | 05/10/1998 | Nữ        | Thái    | DTTS              | Năm Mạ, Sin Hồ - Lai Châu       | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.14 | Phản A Thanh          | 07/10/1995 | Nam       | Dao     | DTTS              | Căn Co, Sin Hồ - Lai Châu       | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.15 | Mùa Thị Cua           | 03/01/1998 | Nữ        | Mông    | DTTS              | Tả Mung, Than Uyên, Lai Châu    | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.16 | Lữ Thị Lệ             | 15/9/1998  | Nữ        | Thái    | DTTS              | Năm Hạng, Năm Nhùn - Lai Châu   | Quan lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                                                |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|------------------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển                                | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 60.17 | Lý A Chính            | 01/3/1999           | Nam       | Mông    | DTTS              | Đào Sơn, Phong Thổ, Lai Châu         | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.18 | Lô Ký Nu              | 18/6/1996           | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Sen Thương, Mường Nhé, Điện Biên     | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.19 | Tao Văn Kéo           | 08/8/1998           | Nam       | Lự      | DTTS              | Lũng Thàng, Sin Hồ, Lai Châu         | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.20 | Giảng Thị Dừa         | 12/10/1999          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Tả ngáo, Sin Hồ - Lai Châu           | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.21 | Vừ A Súa              | 16/7/1998           | Nam       | Mông    | DTTS              | Phìn Hồ, Sin Hồ - Lai Châu           | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.22 | Thào A Súa            | 09/3/1996           | Nam       | Mông    | DTTS              | Tả Sin Thàng, Tủa Chùa, Điện Biên    | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.23 | Lường Văn Ngân        | 04/3/1990           | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Nèn, Mường Chá, Điện Biên        | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.24 | Lù Thị Thân Thương    | 28/4/1998           | Nữ        | Thái    | DTTS              | Nậm Háng, Nậm Nhùn - Lai Châu        | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.25 | Sùng Xừ Pư            | 08/01/1998          | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Thu Lùm, Mường Tè, Lai Châu          | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.26 | Tản Mi Hồng           | 19/8/1999           | Nữ        | Dao     | DTTS              | Phảng Sô Lin, Sin Hồ - Lai Châu      | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |
| 60.27 | Chào Cáo Siêu         | 15/5/1999           | Nam       | Dao     | DTTS              | Nậm Chá, Nậm Nhùn                    | Quản lý công tác tiền lương và bảo hiểm xã hội | ĐH Trờ lên | Công tác xã hội                   |                                                 | ĐH                          | Công tác xã hội             | DTTS      |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                    |                     |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                              | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo  | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 61   | Vị trí việc làm: Hành chính tổng hợp - Văn phòng HĐND-UBND huyện Sin Hồ  |                     |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 61.1 | Phạm Như Quỳnh                                                           | 27/11/1983          | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Hành chính tổng hợp                  | ĐH Trờ lên | Xây dựng                          |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật Công trình xây dựng | CC Tiếng Mông |         |         |
| 61.2 | Đỗ Hai Đăng                                                              | 08/05/1989          | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Hành chính tổng hợp                  | ĐH Trờ lên | Xây dựng                          |                                                 | ĐH                          | Công nghệ kỹ thuật xây dựng  |               |         |         |
| 61.3 | Sùng A Kỳ                                                                | 16/8/1995           | Nam       | Mông    | DTTS              | Lao Chải, Mù Cang Chải, Yên Bái    | Hành chính tổng hợp                  | ĐH Trờ lên | Xây dựng                          |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật Công trình xây dựng | DTTS          |         |         |
| 62   | Vị trí việc làm: Công nghệ thông tin - Văn phòng HĐND-UBND huyện Sin Hồ  |                     |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 62.1 | Chu Go Ly                                                                | 16/02/1995          | Nam       | Hà nhĩ  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu   | Công nghệ thông tin                  | ĐH Trờ lên | Công nghệ thông tin               |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin          | DTTS          | ĐH CNTT |         |
| 62.2 | Thảo A Sộng                                                              | 14/04/1992          | Nam       | Mông    | DTTS              | Sam Kha, Sốp Cộp - Sơn La          | Công nghệ thông tin                  | ĐH Trờ lên | Công nghệ thông tin               |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin          | DTTS          | ĐH CNTT |         |
| 62.3 | Phan Văn Phong                                                           | 13/07/1985          | Nam       | Thái    | DTTS              | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Công nghệ thông tin                  | ĐH Trờ lên | Công nghệ thông tin               |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin          | DTTS          | ĐH CNTT |         |
| 62.4 | Cử A Lử                                                                  | 08/3/1998           | Nam       | Mông    | DTTS              | Khun Há, Tam Đường, Lai Châu       | Công nghệ thông tin                  | ĐH Trờ lên | Công nghệ thông tin               |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin          | DTTS          | ĐH CNTT |         |
| 62.5 | Giảng A Lử                                                               | 05/4/1997           | Nam       | Mông    | DTTS              | Tủa Sin Chải, Sin Hồ, Lai Châu     | Công nghệ thông tin                  | ĐH Trờ lên | Công nghệ thông tin               |                                                 | ĐH                          | Công nghệ thông tin          | DTTS          | ĐH CNTT |         |
| 63   | Vị trí việc làm: Quản lý dược, mỹ phẩm, Văn phòng HĐND-UBND huyện Sin Hồ |                     |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 63.1 | Bùi Bích Phương                                                          | 02/4/1997           | Nữ        | Mường   | DTTS              | TT Phong Thổ, Phong Thổ - Lai Châu | Quản lý dược, mỹ phẩm                | ĐH Trờ lên | Dược sỹ                           |                                                 | ĐH                          | Dược sỹ                      | DTTS          |         |         |
| 63.2 | Nguyễn Thảo Phương                                                       | 27/01/1995          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ, Lai Châu        | Quản lý dược, mỹ phẩm                | ĐH Trờ lên | Dược sỹ                           |                                                 | ĐH                          | Dược sỹ                      |               |         |         |
| 63.3 | Lê Thị Hồng Ngọc                                                         | 11/12/1992          | Nữ        | Kinh    |                   | San Thàng, TP Lai Châu, Lai Châu   | Quản lý dược, mỹ phẩm                | ĐH Trờ lên | Dược sỹ                           |                                                 | ĐH                          | Dược sỹ                      |               |         |         |

| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                  |                       |           |         |                   |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                  | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------|-------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                              | Ngày, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 63.4  | Thảo Thị Cự                                                            | 15/10/1997            | Nữ        | Mông    | DTTS              | Phong Niên, Bao Thắng, Lào Cai     | Quản lý dược, mỹ phẩm                | ĐH Trở lên | Dược sỹ                           |                                                 | ĐH                          | Dược sỹ                          | DTTS          |         |         |
| 64    | Vị trí việc làm: Thực hiện công tác thanh tra - Thanh tra huyện Sin Hồ |                       |           |         |                   |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                                  |               |         |         |
| 64.1  | Thảo A Giảng                                                           | 01/02/1997            | Nam       | Mông    | DTTS              | Hồng Thu, Sin Hồ - Lai Châu        | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 64.2  | Hạng A Tả                                                              | 06/11/1994            | Nam       | Mông    | DTTS              | Na Son, Điện Biên Đông - Điện Biên | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng     | DTTS          |         |         |
| 64.3  | Sùng Cá Lồng                                                           | 20/04/1990            | Nam       | Mông    | DTTS              | Sá Dề Phìn, Sin Hồ - Lai Châu      | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 64.4  | Trịnh Khắc Sơn                                                         | 22/06/1984            | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng     | CC Tiếng Mông |         |         |
| 64.5  | Tổng Văn Duy                                                           | 18/03/1997            | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Hân, Sin Hồ - Lai Châu         | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật kinh tế                     | DTTS          |         |         |
| 64.6  | Tần A Phán                                                             | 11/09/1993            | Nam       | Dao     | DTTS              | Phảng Sô Lín, Sin Hồ - Lai Châu    | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 64.7  | Phạm Văn Tuấn                                                          | 06/01/1987            | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Xây dựng Dân dụng và công nghiệp |               |         |         |
| 64.8  | Khánh A Chu                                                            | 01/4/1994             | Nam       | Mông    | DTTS              | Hừa Ngải, Mường Chà, Điện Biên     | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 64.9  | Lý A Năng                                                              | 23/6/1996             | Nam       | Mông    | DTTS              | La Pán Tán, Mù Cang Chải, Yên Bái  | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 64.10 | Lô Thị Thanh                                                           | 08/09/1998            | Nữ        | Thái    | DTTS              | TT Nậm Nhùn, Nậm Nhùn - Lai Châu   | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 64.11 | Giảng A Phong                                                          | 07/6/1997             | Nam       | Mông    | DTTS              | Phính Sáng, Tuần Giáo, Điện Biên   | Thực hiện công tác thanh tra         | ĐH Trở lên | Luật; Xây dựng                    |                                                 | ĐH                          | Thanh tra                        | DTTS          |         |         |



| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                        |                     |          |         |                            |                                    | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                              | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|------------------------------------------------------------------------------|---------------------|----------|---------|----------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                    | Ngày tháng năm sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú     | Vị trí dự tuyển                      | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo  | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 65   | Vị trí việc làm: Quản lý tổ chức Biên chế và Hội - Phòng Nội vụ huyện Sin Hồ |                     |          |         |                            |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 65.1 | Lô Thị Nhâm                                                                  | 29/12/1998          | Nữ       | Thái    | DTTS                       | Chân Nưa, Sin Hồ - Lai Châu        | Quản lý tổ chức Biên chế và Hội      | ĐH Trờ lên | Hành chính học; Quản trị nhân lực |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước             | DTTS          |         |         |
| 65.2 | Chèo Mỹ Lai                                                                  | 23/09/1997          | Nữ       | Dao     | DTTS                       | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Quản lý tổ chức Biên chế và Hội      | ĐH Trờ lên | Hành chính học; Quản trị nhân lực |                                                 | ĐH                          | Quản lý nhà nước             | DTTS          |         |         |
| 65.3 | Nguyễn Thị Hà Thu                                                            | 16/09/1992          | Nữ       | Kinh    |                            | TT Than Uyên, Than Uyên - Lai Châu | Quản lý tổ chức Biên chế và Hội      | ĐH Trờ lên | Hành chính học; Quản trị nhân lực |                                                 | ThS                         | Quản trị nhân lực            | CC Tiếng Mông |         |         |
| 65.4 | Sùng Thị Phương                                                              | 08/10/1995          | Nữ       | Mông    | DTTS                       | Hồ Thầu, Tam Đường - Lai Châu      | Quản lý tổ chức Biên chế và Hội      | ĐH Trờ lên | Hành chính học; Quản trị nhân lực |                                                 | ĐH                          | Quản trị nhân lực            | DTTS          |         |         |
| 65.5 | Chang Lý Hùng                                                                | 03/9/1996           | Nam      | Hà Nhi  | DTTS                       | Ka Lăng, Mường Tè, Lai Châu        | Quản lý tổ chức Biên chế và Hội      | ĐH Trờ lên | Hành chính học; Quản trị nhân lực |                                                 | ĐH                          | Quản trị nhân lực            | DTTS          |         |         |
| 65.6 | Vàng A Lừ                                                                    | 06/8/1997           | Nam      | Mông    | DTTS                       | Tủa Sin Chải, Sin Hồ, Lai Châu     | Quản lý tổ chức Biên chế và Hội      | ĐH Trờ lên | Hành chính học; Quản trị nhân lực |                                                 | ĐH                          | Khoa học quản lý             | DTTS          |         |         |
| 66   | Vị trí việc làm: Kế toán - Phòng Nội vụ huyện Sin Hồ                         |                     |          |         |                            |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 66.1 | Lê Thị Thủy Hoa                                                              | 22/10/1984          | Nữ       | Kinh    |                            | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Quản lý tài chính ngân sách          | ĐH Trờ lên | Kế toán                           |                                                 | ĐH                          | Kế toán                      | CC Tiếng Mông |         |         |
| 67   | Vị trí việc làm: Theo dõi công tác dân tộc - Phòng Dân tộc huyện Sin Hồ      |                     |          |         |                            |                                    |                                      |            |                                   |                                                 |                             |                              |               |         |         |
| 67.1 | Tổng Thị Thuận                                                               | 29/03/1991          | Nữ       | Thái    | DTTS                       | Đoàn Kết, TP Lai Châu - Lai Châu   | Theo dõi công tác dân tộc            | ĐH Trờ lên | Xây dựng                          |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng            | DTTS          |         |         |
| 67.2 | Lô Văn Chính                                                                 | 02/01/1992          | Nam      | Thái    | DTTS HTNV Công an Nhân dân | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu       | Theo dõi công tác dân tộc            | ĐH Trờ lên | Xây dựng                          |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật xây dựng            | DTTS          |         |         |
| 67.3 | Pờ Min Sơn                                                                   | 21/11/1986          | Nam      | Pa di   | DTTS                       | TT Tân Uyên, Tân Uyên - Lai Châu   | Theo dõi công tác dân tộc            | ĐH Trờ lên | Xây dựng                          |                                                 | ĐH                          | Kỹ thuật công trình xây dựng | DTTS          |         |         |

| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                                  |                     |           |         |                   |                                      | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|-----------------------------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                              | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 68   | Vị trí việc làm: Quản lý tài chính ngân sách - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Sin Hồ |                     |           |         |                   |                                      |                                         |            |                                   |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 68.1 | Giảng A Dinh                                                                           | 28/06/1994          | Nam       | Mông    | DTTS              | Làng Mỏ, Sin Hồ - Lai Châu           | Quản lý tài chính ngân sách             | ĐH Trờ lên | Kế toán                           |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | DTTS          |         |         |
| 68.2 | Bùi Văn Trung                                                                          | 06/09/1988          | Nam       | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu         | Quản lý tài chính ngân sách             | ĐH Trờ lên | Kế toán                           |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | CC Tiếng Mông |         |         |
| 68.3 | Nguyễn Thị Huyền                                                                       | 10/04/1986          | Nữ        | Kinh    |                   | TT Sin Hồ, Sin Hồ - Lai Châu         | Quản lý tài chính ngân sách             | ĐH Trờ lên | Kế toán                           |                                                 | ĐH                          | Kế toán                     | CC Tiếng Mông |         |         |
| 68.4 | Tao Văn Pánh                                                                           | 12/3/1997           | Nam       | Lự      | DTTS              | Nậm Hăn, Sin Hồ - Lai Châu           | Quản lý tài chính ngân sách             | ĐH Trờ lên | Kế toán                           |                                                 | ĐH                          | Tài chính - Ngân hàng       | DTTS          |         |         |
| 69   | Vị trí việc làm: Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính - Phòng Tư pháp huyện Sin Hồ  |                     |           |         |                   |                                      |                                         |            |                                   |                                                 |                             |                             |               |         |         |
| 69.1 | Phu Hờ Be                                                                              | 01/03/1998          | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Đào San, Phong Thổ - Lai Châu        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS          |         |         |
| 69.2 | Giảng A Nénh                                                                           | 12/10/1996          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tia Dinh, Điện Biên Đông - Điện Biên | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS          |         |         |
| 69.3 | Mùa A Phình                                                                            | 01/04/1997          | Nam       | Mông    | DTTS              | Sá Dề Phìn, Sin Hồ - Lai Châu        | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS          |         |         |
| 69.4 | Tòng Văn Tiên                                                                          | 15/02/1996          | Nam       | Thái    | DTTS              | Nậm Hăn, Sin Hồ - Lai Châu           | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật Kinh tế                | DTTS          |         |         |
| 69.5 | Lý A Khùa                                                                              | 06/10/1998          | Nam       | Mông    | DTTS              | Tua Sin Chải, Sin Hồ - Lai Châu      | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS          |         |         |
| 69.6 | Lường Thị Thu                                                                          | 15/08/1993          | Nữ        | Thái    | DTTS              | Chăn Nưa, Sin Hồ - Lai Châu          | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS          |         |         |
| 69.7 | Pờ Khỏ Xỏ                                                                              | 26/06/1998          | Nữ        | Hà nhĩ  | DTTS              | Mù Ca, Mường Tè - Lai Châu           | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên | Luật                              |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS          |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh                                                                       |                      |           |         |                   |                                 | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển    |                 |                                                                                      |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                             | Miễn thi  |         | Ghi chú |
|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------|---------|-------------------|---------------------------------|-----------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------|-----------|---------|---------|
|       | Họ và tên                                                                                   | Nơi, tháng, năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú  | Vị trí dự tuyển                         | Trình độ        | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển                                                    | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo | Ngoại ngữ | Tin học |         |
| 69.8  | Đương Xuân Nhàn                                                                             | 16/03/1998           | Nam       | Kinh    |                   | Hưng Hòa, TP Vinh - Nghệ An     | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên      | Luật                                                                                 |                                                 | ĐH                          | Luật                        |           |         |         |
| 69.9  | Triệu Tài Quý                                                                               | 17/10/1994           | Nam       | Dao     | DTTS              | Phăng Sô Lin, Sín Hồ - Lai Châu | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên      | Luật                                                                                 |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 69.10 | Vàng A Chừ                                                                                  | 30/07/1996           | Nam       | Mông    | DTTS              | Long He, Thuận Châu - Sơn La    | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên      | Luật                                                                                 |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 69.11 | Lô Văn Lâm                                                                                  | 20/12/1998           | Nam       | Thái    | DTTS              | Xi Pa Phin, Nậm Pồ - Điện Biên  | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên      | Luật                                                                                 |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 69.12 | Hạng Thị Đình                                                                               | 20/12/1998           | Nữ        | Mông    | DTTS              | Nậm Khao, Mường Tè, Lai Châu    | Kiểm soát văn bản và thủ tục hành chính | ĐH Trờ lên      | Luật                                                                                 |                                                 | ĐH                          | Luật                        | DTTS      |         |         |
| 70    | Vị trí việc làm: Quản lý Văn thư - Lưu trữ - Phòng Nội vụ huyện Mường Tè                    |                      |           |         |                   |                                 |                                         |                 |                                                                                      |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 70.1  | Hồ Văn Tùng                                                                                 | 10/06/1996           | Nam       | Thái    | DTTS              | Mường Mò, Nậm Nhùn - Lai Châu   | Quản lý Văn thư - Lưu trữ               | ĐH trở lên      | Văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS      |         |         |
| 70.2  | Hồ Cổ Liên                                                                                  | 01/01/1997           | Nữ        | Si La   | DTTS              | Can Hồ, Mường Tè, Lai Châu      | Quản lý Văn thư - Lưu trữ               | ĐH trở lên      | Văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS      |         |         |
| 70.3  | Tổng Thị Tâm                                                                                | 16/5/1996            | Nữ        | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu | Quản lý Văn thư - Lưu trữ               | ĐH trở lên      | Văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS      |         |         |
| 70.4  | Lý Hữu De                                                                                   | 01/4/1997            | Nữ        | Hà nhi  | DTTS              | Mù Cà, Mường Tè - Lai Châu      | Quản lý Văn thư - Lưu trữ               | ĐH trở lên      | Văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS      |         |         |
| 70.5  | Lý Lô Chừ                                                                                   | 04/01/1996           | Nam       | Hà nhi  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu | Quản lý Văn thư - Lưu trữ               | ĐH trở lên      | Văn thư, lưu trữ, quản trị văn phòng                                                 |                                                 | ĐH                          | Quản trị văn phòng          | DTTS      |         |         |
| 71    | Vị trí việc làm: Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở - Phòng Văn hóa - Thông tin huyện Mường Tè |                      |           |         |                   |                                 |                                         |                 |                                                                                      |                                                 |                             |                             |           |         |         |
| 71.1  | Lý Xù Pô                                                                                    | 11/02/1996           | Nữ        | La Hủ   | DTTS              | Bum Tờ, Mường Tè, Lai Châu      | Quản lý Văn hóa thông tin cơ sở         | Đại học trở lên | Quản lý văn hóa, văn hóa quần chúng, bảo tồn, bảo tàng, Văn hóa các dân tộc thiểu số |                                                 | ĐH                          | Quản lý văn hóa             | DTTS      |         |         |
| 72    | Vị trí việc làm: Quản lý đất đai - Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Mường Tè            |                      |           |         |                   |                                 |                                         |                 |                                                                                      |                                                 |                             |                             |           |         |         |





| Stt  | Thông tin về thí sinh                                                      |                       |          |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                     |            |                                                |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                                  | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|------|----------------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------|---------|-------------------|--------------------------------------|---------------------|------------|------------------------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------------------|---------------|---------|---------|
|      | Họ và tên                                                                  | Ngày đăng ký thi sinh | Gới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển     | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển              | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo      | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 72.1 | Giảng A Xã                                                                 | 09/12/1996            | Nam      | Mông    | DTTS              | Tà Tổng, Mường Tè - Lai Châu         | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS          |         |         |
| 72.2 | Chu Gia Long                                                               | 09/11/1993            | Nam      | Hà Nhi  | DTTS              | Ka Lăng, Mường Tè, Lai Châu          | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS          |         |         |
| 72.3 | Vàng Chồ Me                                                                | 19/02/1999            | Nữ       | La Hủ   | DTTS              | Pa Vệ Sủ, Mường Tè, Lai Châu         | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS          |         |         |
| 72.4 | Nguyễn Thị Thanh Tâm                                                       | 18/10/1994            | Nữ       | Kinh    |                   | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu      | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  |               |         |         |
| 72.5 | Tổng Văn Thành                                                             | 12/7/1991             | Nam      | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu      | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS          |         |         |
| 72.6 | Khoảng Hừ De                                                               | 18/7/1995             | Nữ       | Hà Nhi  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu      | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS          |         |         |
| 72.7 | Tổng Thị Huệ                                                               | 09/7/1995             | Nữ       | Thái    | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè, Lai Châu      | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý đất đai                  | DTTS          |         |         |
| 72.8 | Sùng A Mang                                                                | 13/6/1998             | Nam      | Mông    | DTTS              | Phúc Than, Than Uyên, Lai Châu       | Quản lý đất đai     | ĐH trở lên | Quản lý đất đai, địa chính, trắc địa, địa chất |                                                 | ĐH                          | Quản lý tài nguyên và môi trường | DTTS          |         |         |
| 73   | Vị trí việc làm: Kế toán - Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phong Thổ      |                       |          |         |                   |                                      |                     |            |                                                |                                                 |                             |                                  |               |         |         |
| 73.1 | Bùi Thị Quỳnh Hương                                                        | 27/12/1995            | Nữ       | Mường   | DTTS              | TT Mân Đức, Tân Lạc-Hòa Bình         | Kế toán             | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                             |                                                 | ĐH                          | Tài chính - Ngân hàng            | DTTS          |         |         |
| 73.2 | Nguyễn Thị Huệ                                                             | 20/9/1988             | Nữ       | Kinh    |                   | TT Phong Thổ, Phong Thổ, Lai Châu    | Kế toán             | ĐH trở lên | Tài chính, Kế toán                             |                                                 | ĐH                          | Kế toán                          |               |         |         |
| 74   | Vị trí việc làm: Hành chính tổng hợp - Văn phòng HĐND-UBND huyện Phong Thổ |                       |          |         |                   |                                      |                     |            |                                                |                                                 |                             |                                  |               |         |         |
| 74.1 | Giảng A Vinh                                                               | 03/5/1999             | Nam      | Mông    | DTTS              | Sin Suối Hồ, Phong Thổ, Lai Châu     | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 74.2 | Lý Pô Mé                                                                   | 12/12/1998            | Nữ       | Hà nhi  | DTTS              | TT Mường Tè, Mường Tè - Lai Châu     | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp                    |                                                 | ĐH                          | Luật                             | DTTS          |         |         |
| 74.3 | Trần Thị Hương                                                             | 13/8/1992             | Nữ       | Kinh    |                   | TT Phong Thổ, Phong Thổ, Lai Châu    | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp                    |                                                 | ĐH                          | Khoa học cây trồng (nông học)    | CC Tiếng Mông |         |         |



| Stt   | Thông tin về thí sinh |                     |           |         |                   | Thông tin về vị trí, đơn vị dự tuyển |                     |            |                                   |                                                 | Ngành, chuyên ngành đào tạo |                              | Miễn thi      |         | Ghi chú |
|-------|-----------------------|---------------------|-----------|---------|-------------------|--------------------------------------|---------------------|------------|-----------------------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------|------------------------------|---------------|---------|---------|
|       | Họ và tên             | Ngày tháng năm sinh | Giới tính | Dân tộc | Đối tượng Ưu tiên | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú       | Vị trí dự tuyển     | Trình độ   | Ngành hoặc chuyên ngành cần tuyển | Điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển | Trình độ                    | Ngành, chuyên ngành đào tạo  | Ngoại ngữ     | Tin học |         |
| 74.4  | Nguyễn Thị Huệ        | 06/9/1993           | Nữ        | Kinh    |                   | TT Than Uyên, Than Uyên, Lai Châu    | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Khuyến nông                  | CC Tiếng Thái |         |         |
| 74.5  | Chu Go Giả            | 04/07/1995          | Nam       | Ha nhi  | DTTS              | Thu Lâm, Mường Tè - Lai Châu         | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Phát triển Nông thôn         | DTTS          |         |         |
| 74.6  | Hà Anh Quân           | 18/6/1993           | Nam       | Thái    | DTTS              | Thân Thuộc, Tân Uyên, Lai Châu       | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Nông nghiệp                  | DTTS          |         |         |
| 74.7  | Trần Thị Ngọc Hà      | 05/3/1993           | Nữ        | Kinh    |                   | Đoàn Kết, TP Lai Châu, Lai Châu      | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Luật                         |               |         |         |
| 74.8  | Giảng A Chư           | 08/6/1990           | Nam       | Mông    | DTTS              | Tà Lêng, Tam Đường, Lai Châu         | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Trồng trọt                   | DTTS          |         |         |
| 74.9  | Giảng Thị Tùng        | 09/11/1996          | Nữ        | Mông    | DTTS              | Dào San, Phong Thổ, Lai Châu         | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Nông học                     | DTTS          |         |         |
| 74.10 | Chèo Lêng Mấy         | 09/11/1996          | Nữ        | Dao     | DTTS              | TT Sín Hồ, Sín Hồ, Lai Châu          | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Trồng trọt                   | DTTS          |         |         |
| 74.11 | Tân A Sơm             | 02/08/1996          | Nam       | Dao     | DTTS              | Phăng Sô Lín, Sín Hồ - Lai Châu      | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Kinh tế Nông nghiệp          | DTTS          |         |         |
| 74.12 | Nguyễn Thị Hiền       | 10/9/1988           | Nữ        | Kinh    |                   | TT Phong Thổ, Phong Thổ, Lai Châu    | Hành chính tổng hợp | ĐH trở lên | Luật, xây dựng, nông nghiệp       |                                                 | ĐH                          | Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp |               |         |         |